

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 107/TCT-TCHC

Bình Định, ngày 20 tháng 4 năm 2021

Về việc công bố thông tin Báo
cáo thường niên năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tổ chức công bố thông tin:

Tên Công ty đại chúng: Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần

Mã cổ phiếu/sàn giao dịch: PIS/UPCOM

Địa chỉ: số 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Tp Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: (0256) 3947099

Fax: (0256) 3947029

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đồng Thị Ánh - Tổng Giám đốc.

2. Nội dung công bố thông tin:

Hội đồng quản trị Tổng công ty PISICO Bình Định – CTCP đã lập Báo cáo thường niên năm 2020 theo mẫu quy định và được đăng tải trên Website: <http://www.pisico.vn> ⇒ **Quan hệ cổ đông** ⇒ **Công bố thông tin**

Có nội dung Báo cáo thường niên năm 2020 số 17/BC-HĐQT ngày 19/4/2021 đính kèm.

Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Website PISICO;
- Các phòng nghiệp vụ
- Lưu: VT



Đồng Thị Ánh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH-CÔNG TY CỔ PHẦN
Năm báo cáo: Năm 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.
- Tên viết tắt: PISICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100258987
- Vốn điều lệ: 275 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 275 tỷ đồng
- Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Số điện thoại: 0256 3947088/3947099
- Số fax: 0256.3947029
- Website: www.pisico.vn.
- Mã cổ phiếu (nếu có): PIS

- Quá trình hình thành và phát triển: Tổng công ty PISICO Bình Định tiền thân là Công ty hợp tác khai thác chế biến lâm sản xuất khẩu Nghĩa Bình (Ratanakiri) thành lập tháng 10/1985. Qua nhiều năm hoạt động và trưởng thành theo cơ chế quản lý mới của Nhà nước đến tháng 12/1996, đổi tên thành Tổng công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định (gọi tắt PISICO). Năm 2013, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 512/QĐ-CTUBND ngày 20/03/2012 của UBND Tỉnh Bình Định và thực hiện chào bán cổ phần lần đầu vào ngày 12/12/2013. Đến ngày 26/01/2014, tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu và chính thức chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt PISICO).

Ngày 03/12/2014: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước – Cơ quan đại diện tại TP Hồ Chí Minh chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng (theo Công văn số 371/CQĐ D-NV ngày 3/12/2014).

Ngày 12/11/2015: Được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán là PIS (theo Giấy chứng nhận số 108/2015/GCNCP-VSD ngày 12/11/2015).

Ngày 23/12/2015: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Tổng công ty PISICO Bình Định – công ty cổ phần được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trên thị trường giao dịch chứng khoán của Công ty đại chúng chưa niêm yết (thị trường UPCoM) (Theo Quyết định số 861/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 03/10/2017, toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu cổ đông nhà nước số lượng do Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định quản lý 23.877.000 cổ phần đã chuyển nhượng cho cổ đông Công ty TNHH Thương mại Ánh Vỹ và nâng số lượng cổ phần sở hữu lên 26.627.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 96,82% vốn điều lệ).

Một số thành tích tiêu biểu:

- + Huân chương độc lập hạng ba năm 2009;
- + Cờ thi đua Chính phủ năm 2014, 2015 và 2018;
- + Bằng khen Chính phủ năm 2014;
- + Cờ thi đua Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định năm 2014, 2015, 2017 và 2018 ;
- + Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định năm 2011, 2016, 2019 và 2020
- + Liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm được Chủ tịch UBND Bình Định khen thưởng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu
 - + Sản xuất chế biến lâm sản (chế biến gỗ và dăm gỗ)
 - + Tư vấn thiết kế, trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng, khai thác gỗ cung cấp giống cây lâm nghiệp.
 - + Trồng và chế biến mủ cao su ở nước Lào
 - + Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp.
 - + Kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp.
 - + Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
 - + Kinh doanh thương mại (nông sản, gỗ nguyên liệu, dăm gỗ, .v.v.....)
 - + Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
- Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài tỉnh Bình Định.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Người đại diện pháp luật: Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

a) Đại hội đồng cổ đông: Gồm có 01 cổ đông tổ chức sở hữu 26.627.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 96,82% vốn điều lệ, còn lại là cổ đông cá nhân.

b) Hội đồng quản trị:

Từ ngày 01/01/2020 đến 24/6/2020, cơ cấu Hội đồng quản trị 05 thành viên gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và 03 thành viên (trong đó khuyết 02 thành viên được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019).

Từ ngày 24/6/2020 đến 31/12/2020, Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2020 thông qua cơ cấu Hội đồng quản trị 03 thành viên gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và 01 thành viên.

c) Ban kiểm soát: 03 thành viên gồm Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

- **Ban điều hành:** 03 thành viên gồm Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

- **Phòng nghiệp vụ PISICO:** 03 phòng gồm Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Kế hoạch – Tổng hợp; Phòng Tài chính - Kế toán.

- **Đơn vị hạch toán phụ thuộc:** 03 đơn vị

+ Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO: Hoạt động Sản xuất giường tủ, bàn ghế bằng gỗ.

+ Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO: Hoạt động tư vấn thiết kế, trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng, khai thác gỗ cung cấp giống cây lâm nghiệp

+ Xí nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng PISICO: Hoạt động xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp.

d) Các công ty con, công ty liên kết: Trong năm 2020, giảm 02 công ty liên kết là Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO và Công ty cổ phần chế biến Gỗ PISICO Đồng An. Tại thời điểm 31/12/2020, có 05 công ty con và 03 công ty liên kết (*Chi tiết đính kèm Phụ lục 1*)

4. Định hướng phát triển:

- Tiếp tục xây dựng PISICO là tập đoàn kinh tế tư nhân vững mạnh, có thương hiệu, có ngành nghề kinh doanh sản phẩm chiến lược cạnh tranh với thị trường trong nước, quốc tế; không ngừng nâng cao thương hiệu, giá trị cổ phiếu trên thị trường.

- Nghiên cứu, triển khai một số dự án để tăng trưởng phát triển đột phá các chỉ tiêu SXKD, mở rộng quy mô doanh nghiệp tương xứng Tập đoàn kinh tế.

- Tích cực quản lý, chỉ đạo để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch SXKD hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các chỉ tiêu về tài chính, SXKD, thu nhập người lao động phải tăng trưởng hàng năm. Thực hiện nghĩa vụ nhà nước đúng, đủ, kịp thời theo luật định.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển đội ngũ CBCNV có đủ năng lực, có tâm, có tầm đối với nhiệm vụ được giao; nhất là nhân sự chủ lực trong bộ máy tổ chức.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro kinh tế: Những khó khăn, biến động kinh tế trong và ngoài nước sẽ tác động lớn đến hoạt động SXKD và hiệu quả sản xuất kinh doanh của PISICO.

- Rủi ro về luật pháp: Hoạt động của PISICO chịu sự điều chỉnh của nhiều đạo Luật, các văn bản dưới luật ở trong nước được sửa đổi bổ sung hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tiễn và sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của PISICO (như Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Lao động, Luật bảo hiểm). Ngoài các đạo luật trong nước, hoạt động xuất khẩu của PISICO cũng chịu ảnh hưởng bởi một số sắc thuế nhập khẩu, tập quán thương mại quốc tế, luật chống phá giá, và một số quy định khác tại các nước nhập khẩu. Bên cạnh đó, một số luật mới về lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại gỗ như: FLEGT của Ủy Ban Châu Âu và đạo luật LACEY của Hoa Kỳ, v.v... nhằm mục đích ngăn chặn việc khai thác gỗ và tiêu thụ sản phẩm gỗ bất hợp pháp sẽ ảnh hưởng kết quả SXKD hàng năm.

- Rủi ro biến động giá: Hoạt động SXKD của PISICO chủ yếu là xuất nhập khẩu về nguyên liệu vật liệu sản xuất và sản phẩm bán ra. Do đó, sự biến động tỷ giá hối đoái tác động lớn hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PISICO.

- Rủi ro khác: Ngoài những rủi ro kể trên, rủi ro do tác động của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu như hạn hán, bão lụt, hoả hoạn... là những rủi ro không thể dự báo trước và nếu có xảy ra thường gây thiệt hại với quy mô lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh của PISICO. Đặc biệt năm 2020, dịch covid 19 đã làm suy giảm mạnh kết quả các chỉ tiêu so với năm trước

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động SXKD theo tổng hợp công ty mẹ: **Đính kèm Phụ lục 2**
- Kết quả hoạt động SXKD theo hợp nhất: **Đính kèm Phụ lục 3**

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

- Bà Đồng Thị Ánh – Giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2017.

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1956
- Nơi sinh: Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định
- Giấy CMND số: 210190169, ngày cấp 31/5/2019; nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 89 Mai Xuân Thưởng, TP Quy Nhơn, Bình Định
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ hoặc được ủy quyền: 26.627.000 cổ phần, chiếm 96,82% vốn điều lệ, trong đó:
Đại diện sở hữu: 26.627.000 cổ phần, tương đương 96,82% vốn điều lệ. Đại diện cho cổ đông Công ty TNHH Thương Mại Ánh Vỹ.
Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu PISICO: Không có
- Những khoản nợ đối với PISICO: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với PISICO: Không có

- Ông Nguyễn Văn Phúc – Giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/11/1961
- Nơi sinh: Quy Nhơn, Bình Định
- Giấy CMND số: 210132155, ngày cấp 25/10/2013; nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định.

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 48 Ý Lan, P. Thị Nại, TP Quy Nhơn, Bình Định
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lâm sinh.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ hoặc được ủy quyền: 500 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ, trong đó:
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương đương 0 % vốn điều lệ.
Cá nhân sở hữu: 500 cổ phần, tương đương 0,001% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu PISICO (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột):

Họ tên	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (% VDL)
Nguyễn Minh Hậu	Con	13.800	0,05
Nguyễn Minh Hiền	Con	3.200	0,01

- Những khoản nợ đối với PISICO: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với PISICO: Không có

- Ông Nguyễn Hoàng Lam, giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 01/7/2018.

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 28/11/1978.
- Nơi sinh: Quy Nhơn, Bình Định.
- Giấy CMND số: 211646251; ngày cấp 14/3/2013; nơi cấp Công an tỉnh Bình Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 157 Hoàng Văn Thụ, TP. Quy Nhơn, Bình Định.
- Trình độ văn hoá: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán kiểm toán.

- Số lượng cổ phần đang nắm giữ hoặc được ủy quyền: 6.700 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ, trong đó: *Đại diện sở hữu: 0, cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ*

Cá nhân sở hữu: 6.700, cổ phần, tương đương 0,024% vốn điều lệ.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu PISICO (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột): Không có
- Những khoản nợ đối với PISICO: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với PISICO: Không có.

b) Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

c) Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động sử dụng bình quân năm 2020 là 235 người (*Không bao gồm ~ 1.200 người lao động do Tổng công ty gián tiếp quản lý thông qua các đơn vị công ty con, công ty liên kết*);

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc của người lao động không quá 48 giờ/tuần, đảm bảo thời giờ nghỉ ngơi theo quy định pháp luật lao động; bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì người lao động có trách nhiệm làm thêm và PISICO có những quy định đảm bảo quyền lợi người lao động theo quy định pháp luật cùng chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Các chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm đau, thai sản .v.v.... được giải quyết đầy đủ, đúng, kịp thời theo quy định nhà nước cho người lao động. Điều kiện làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, theo quy định pháp luật lao động. Đối với lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động luôn được quan tâm tuân thủ nghiêm ngặt.

- Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của PISICO là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà PISICO có tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về trình độ chuyên môn, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo; Đối với các vị trí quan trọng còn quy định bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, nhận định.

- Chính sách thu hút nhân tài: Thực hiện chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân sự giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân sự lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho PISICO.

- Chính sách đào tạo: PISICO chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất, v.v... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

- Chính sách lương: PISICO xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. PISICO thực hiện trả lương theo hiệu quả kinh doanh, gắn kết với năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên người lao động, PISICO có chính sách thưởng định kỳ nhân các dịp lễ tết hàng năm và đột xuất cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, cơ bản dựa theo các tiêu chí của nhà nước quy định.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp đúng theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên PISICO hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho người lao động được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe. Ngoài ra hàng năm cán bộ công nhân viên PISICO còn được tổ chức đi du lịch theo chế độ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Tổng khoản đầu tư lớn trong năm 2020 là 5.113.980.000 đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: ***Đính kèm Phụ lục 4.***

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính: ***Đính kèm Phụ lục 5.***

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: ***Đính kèm Phụ lục 6.***

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành: 27.500.000 cổ phần phổ thông; mệnh giá 10.000đồng/cổ phần. Trong đó:

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 27.482.400 cổ phần.

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 17.600 cổ phần do Người lao động được mua thêm theo cam kết tiếp tục làm việc tại PISICO sẽ phải hạn chế chuyển nhượng quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (đến ngày 27/01/2021 có 15.400 cổ phần của 18 cổ đông hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng).

b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
I	Trong nước	291	27.500.000	100
1	Tổ chức	01	26.627.000	96,82%
-	Cổ đông nhà nước	0	0	0
-	Cổ đông khác	0	0	0
2	Cá nhân	290	873.000	3,18
II	Ngoài nước	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
	Tổng	291	27.500.000	100%

Theo danh sách Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày đăng ký cuối cùng là 22/3/2021.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PISICO

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: PISICO sử dụng nguyên liệu gỗ để sản xuất đồ gỗ tinh chế xuất khẩu. Khối lượng gỗ sử dụng sản xuất năm 2020 là:

3.552,05 m³. Nguyên liệu gỗ sử dụng có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp, có chứng chỉ FSC.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: PISICO có quy trình quản lý và sử dụng nguyên vật liệu cụ thể cho từng công đoạn sản xuất, nên đảm bảo tiết kiệm, lãng phí nguyên liệu ở mức thấp nhất. Dây chuyền sản xuất được đặt trong nhà xưởng xây dựng khép kín nên không gây tiếng ồn, hoặc khói bụi ảnh hưởng đến môi trường và đời sống xã hội.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năm 2020, thực hiện thay thế thiết bị tiết kiệm điện và nâng cao ý thức nâng cao hiệu quả, tiết kiệm điện trong hoạt động SXKD.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Có không đáng kể.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Định cung cấp với lượng nước sử dụng > 10.000 m³ phục vụ chủ yếu nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng (không có).

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động sử dụng bình quân năm 2020 là 235 người (chỉ tính người lao động do Tổng công ty quản lý trực tiếp). Mức thu nhập bình quân người lao động đã nhận năm 2020: 7,78 tr.đ/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Được thể hiện trong Nội quy lao động, Quy chế trả lương, Thỏa ước lao động tập thể v.v.... Thực hiện chế độ ăn giữa ca cho người lao động, chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, duy trì hoạt động mạng lưới An toàn

vệ sinh viên, tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân viên. Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, nghỉ phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức cho người lao động tham quan du lịch. Tặng quà cho người lao động những dịp lễ, Tết, tặng quà cho con CBCNV đạt thành tích trong học tập, nhân dịp Tết thiếu nhi.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Tổ chức đào tạo tại chỗ, thuê đào tạo hoặc cử đi đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, nâng lương, nâng bậc cho người lao động theo quy định chung của Tổng công ty.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Chủ yếu tham gia các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ do cơ quan quản lý nhà nước tổ chức.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tổng công ty luôn quan tâm hưởng ứng và tích cực tham gia các phong trào phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, tạo thêm việc làm cho người lao động tại địa phương và các tỉnh lân cận. Hàng năm ủng hộ, duy trì thực hiện tốt công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa .v.v.... như: Từ năm 1996 đến nay đã nhận phụng dưỡng 16 mẹ VNAH và đang hiện còn tiếp tục phụng dưỡng 05 mẹ VNAH, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, khuyến học cho các cháu học sinh khá giỏi là con CBCNV LĐ; tổ chức hoạt động vui chơi “Đêm hội trăng rằm” cho các cháu thiếu nhi; xây dựng nhà tình nghĩa; ủng hộ quỹ xây dựng mái ấm cho người nghèo, nhà đoàn kết; ủng hộ Quỹ vì người nghèo, ủng hộ dịch Covid 19 .v.v..... Số tiền thực hiện công tác từ thiện xã hội năm 2020 là 410 triệu đồng (chưa tính các đơn vị thuộc Tổng công ty).

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN (không có).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Đánh giá chung:

Năm 2020, tình hình kinh tế thế giới vô cùng khó khăn, đặc biệt đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu, tốc độ tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Bên cạnh sự tác động khó khăn của nền kinh tế thế giới, doanh nghiệp Việt Nam đã phải đối mặt

với nhiều thách thức trước những rào cản kỹ thuật của EU, sức ép cạnh tranh từ hàng nhập khẩu của EU. Nhưng với sự chuẩn bị tốt, cùng với quyết tâm cao trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh kết hợp nhiều giải pháp kịp thời và hợp lý của Hội đồng quản trị và Ban điều hành PISICO đã thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2020; duy trì giữ vững sự ổn định hoạt động SXKD tại các đơn vị; đảm bảo tiền lương thu nhập người lao động theo kết quả thể hiện tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 đính kèm Báo cáo này.

1.2. Đánh giá các đơn vị:

a) Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO

Trong năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung của đại dịch Covid cùng với thiếu đơn hàng chuyên tiếp từ năm 2019. Thời điểm đỉnh cao của dịch, đơn vị tạm ngừng hoạt động do không có đơn hàng, lượng lao động giảm, hoặc chuyển sang đơn vị khác tăng đáng kể. Mặc dù, những tháng cuối năm, đơn vị đã tập trung nỗ lực điều hành hoạt động SXKD, nhưng kết quả không đạt các chỉ tiêu kế hoạch được giao từ đầu năm. Doanh thu đạt 27% kế hoạch, đơn vị hoạt động chưa hiệu quả.

b) Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO

Thực hiện tương đối tốt hoạt động chăm sóc và quản lý bảo vệ rừng thương mại và kinh tế. Tuy nhiên, một số địa bàn vẫn còn hiện tượng dân lấn chiếm, tranh chấp như: Ân Hảo, Tây Sơn, Cát Tài, Phù Mỹ,... Hoạt động trồng rừng thuận lợi, đã hoàn thành công việc sớm hơn thời gian dự kiến. Doanh thu tự doanh tại đơn vị đạt thấp, chưa hoàn thành kế hoạch đề ra. Kết quả hoạt động năm 2020 doanh thu đạt 54% kế hoạch, lợi nhuận đạt 81% kế hoạch.

c) Xí nghiệp Kinh doanh và Phát triển hạ tầng PISICO

Đã lấp đầy diện tích cho thuê tại CCN Cát Nhơn. Tồn tại tại đơn vị là một số công nợ khó đòi (tính đến 31/12/2020 là 4,6 tỷ đồng). Kết quả hoạt động năm 2020: doanh thu đạt 227% kế hoạch, lợi nhuận đạt 650% kế hoạch. Doanh thu và lợi nhuận của đơn vị tăng đột biến cao là do có khoản thu nhập khác từ Cụm công nghiệp Canh Vinh.

d) Văn phòng Tổng Công ty

Đã thực hiện tổ chức kinh doanh 4.239m³ gỗ gồm các loại: gỗ Keo FSC, gỗ Teak nội địa, gỗ Bạch đàn FSC nhập khẩu, ưu tiên cung cấp cho Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO thực hiện các đơn hàng đã ký và đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng công ty. Tổ chức khai thác rừng kinh tế: 5.000 tấn. Phối hợp, thực hiện các thủ tục để triển khai các dự án của Tổng công ty

như: dự án nhà ở xã hội PISICO tại phường Trần Quang Diệu, Quy Nhơn; dự án dăm gỗ PISICO ĐakLak. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020: doanh thu đạt 179% kế hoạch, lợi nhuận 181% kế hoạch.

đ) Đối với các công ty con, công ty liên kết

Mặc dù chịu tác động của đại dịch Covid-19, nhưng với sự chỉ đạo linh hoạt của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và sự nỗ lực toàn thể cán bộ CNV, hầu hết các đơn vị công ty con, công ty liên kết đều hoạt động ổn định, có hiệu quả. Lĩnh vực xuất khẩu dăm gỗ đạt hiệu quả cao và chiếm tỷ trọng lớn trên tổng doanh thu của hệ thống Tổng công ty; Lợi nhuận hoạt động chế biến xuất khẩu đồ gỗ tại Công ty CP CB gỗ nội thất PISICO tăng đột biến; Công ty BIDINA cơ bản đã tự cân đối được chi phí hoạt động và tiền lương cho cán bộ CNV tại đơn vị và bắt đầu có hiệu quả. Kết quả được thể hiện tại Phụ lục 4 đính kèm Báo cáo này.

Trong năm 2020, đã thực hiện xong thủ tục giải thể Công ty CP CB gỗ PISICO Đồng An và thoái vốn tại Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO theo chủ trương của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính tại công ty mẹ: *Đính kèm Phụ lục 7*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Có không đáng kể

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Định hướng chung

Năm 2021, với dự báo tình hình tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro; đặc biệt là tình hình dịch bệnh Covid-19 chưa kiểm soát tốt. Tổng công ty dự kiến phấn đấu thực hiện những mục tiêu, định hướng như sau:

- Xây dựng Tổng công ty thành tập đoàn kinh tế tư nhân vững mạnh, kinh doanh đa lĩnh vực, ngành nghề, tập trung vào một số ngành nghề chính như:

- + Sản xuất, kinh doanh, chế biến gỗ xuất khẩu;
- + Trồng rừng khai thác và chế biến dăm gỗ xuất khẩu;
- + Đầu tư kinh doanh bất động sản tại Bình Định;
- + Trồng và chế biến mủ cao su tại Lào;
- + Xây dựng và cho thuê hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp tại tỉnh Bình Định
- + Kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp.

- Không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, gia tăng thu nhập cho hàng nghìn người lao động tại đơn vị, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách,

lợi ích nhằm thu hút lao động, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động trong và ngoài tỉnh.

- Chuyển đổi sắp xếp lại một số hoạt động lĩnh vực kinh doanh tại đơn vị chưa hiệu quả; Sắp xếp lại các hoạt động của các đơn vị trong hệ thống theo hướng giảm dần các đơn vị có tỷ lệ vốn thấp (<30%) và tăng dần tỷ lệ góp vốn đối với các đơn vị hoạt động có hiệu quả hoặc có lợi thế kinh doanh trong tương lai (>51%).

- Mở rộng địa bàn hoạt động và lĩnh vực có hiệu quả, xây dựng cung cấp sản phẩm theo chuỗi cung ứng, lấy Văn phòng PISICO làm trung tâm để vận hành các đơn vị thành viên có liên quan để thúc đẩy hỗ trợ các đơn vị cùng ngành nghề phát triển theo lợi thế sẵn có của từng đơn vị.

- Tăng vốn điều lệ theo từng giai đoạn phát triển của Tổng công ty và chuyển sàn giao dịch chứng khoán từ sàn UPCOM sang sàn HOSE trong thời gian tới.

4.2. Các chỉ tiêu chính kế hoạch năm 2021

- Doanh thu tại công ty mẹ 261 tỷ đồng, bằng 104% thực hiện năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ: 31,75 tỷ đồng, bằng 120% thực hiện 2020.

- Tỷ lệ cổ tức: từ 10% trở lên

- Phân đầu chỉ tiêu thu nhập bình quân người lao động đạt thấp nhất bằng năm 2020 (7,78 triệu đồng/người/tháng), giải quyết công ăn việc làm thường xuyên của toàn Tổng công ty, quan tâm thực hiện tốt chế độ cho người lao động theo quy định pháp luật.

- Thực hiện nộp ngân sách nhà nước đúng, đủ, kịp thời theo quy định.

4.3. Một số giải pháp quản lý điều hành chủ yếu tại công ty mẹ

a) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

* **Xí nghiệp Chế biến Lâm sản XK PISICO:** Tích cực, tập trung tìm kiếm đơn hàng, đặc biệt là đơn hàng trái vụ nhằm giữ được lượng công nhân lao động hiện có và thu hút thêm lao động để chuẩn bị cho mùa sản xuất kế tiếp. Đơn vị cần có kế hoạch, giải pháp, tăng cường năng lực quản lý, đặc biệt là công tác tìm kiếm, gặp gỡ và đàm phán khách hàng, đảm bảo đơn hàng nhiều, mang lại hiệu quả tối ưu. Mặc dù trong năm 2020, đơn vị đã tích cực, nỗ lực trong công tác quản lý, điều hành và đã có chuyển biến tích cực, nhưng hiệu quả mang lại chưa cao, cần tiếp tục, tích cực và nỗ lực hơn nữa trong công tác quản lý, điều hành, đặc biệt chú trọng chi phí từng công đoạn sản xuất, quản lý chuỗi cung ứng vật tư, nguyên liệu đầu vào, đầu ra; phương án trả lương cho từng khâu, từng bộ phận phù hợp nhằm xây dựng giá thành sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng

ngành nghề trên địa bàn. Chú trọng hoạt động tiếp thị quảng bá sản phẩm; thiết kế mẫu mã sản phẩm mới theo thị hiếu người tiêu dùng; Tích cực tìm kiếm thị trường xuất khẩu, phát triển và mở rộng thêm thị trường mới khắc phục hạn chế tập trung tỷ trọng lớn cho một thị trường để khắc phục yếu tố rủi ro khi thị trường chịu tác động bất thường về kinh tế - chính trị hoặc chính sách phòng vệ thương mại. Đầu tư máy móc thiết bị mới hiện đại nhằm tối ưu hóa năng suất lao động và mang lại hiệu quả cao.

*** Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO:** Tiếp tục tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, công tác giám sát, theo dõi chặt chẽ tình hình lấn chiếm đất đã diễn ra tại một số địa phương để nắm bắt và có hướng giải quyết kịp thời, phù hợp với thực tế. Tạo mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương, các ban ngành và thôn xóm, bản làng nơi có diện tích rừng trồng của PISICO và QPFL để thuận lợi hơn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Hiện nay, mặt hàng dăm gỗ vẫn được xuất khẩu và tiêu thụ bình thường, đơn vị sớm tổ chức triển khai công tác thu mua gỗ lóng nhằm tăng thêm hiệu quả tại đơn vị.

*** Xí nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng PISICO:** Tích cực tập trung thu hồi các công nợ còn tồn tại tại đơn vị. Theo dõi, phối hợp thực hiện cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan để thực hiện công tác bồi thường đối với diện tích còn lại tại CCN Canh Vinh theo chủ trương của Tỉnh.

*** Văn phòng Tổng công ty:** Tăng cường công tác chỉ đạo và hỗ trợ cho các đơn vị gặp khó khăn về vốn, thị trường, khách hàng để có điều kiện mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Hỗ trợ các đơn vị tìm kiếm đơn hàng xuất khẩu phù hợp với năng lực sản xuất tại từng đơn vị. Thực hiện hoàn thiện các thủ tục liên quan đến các dự án đã và đang triển khai và dự án mới theo chủ trương của HĐQT và Lãnh đạo Tổng công ty. Nghiên cứu triển khai lĩnh vực kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế để tăng hiệu quả tại Văn phòng Tổng công ty. Tăng cường thúc đẩy mối quan hệ giữa các đơn vị thành viên; Phát huy vai trò đầu mối để hỗ trợ tối đa các tiềm lực, lợi thế của Tổng công ty để đơn vị phát triển theo khả năng.

b) Về công tác nhân sự: Củng cố công tác tổ chức bộ máy quản lý, nhân sự trong hoạt động SXKD, đây là nhân tố hàng đầu để đảm bảo cho hoạt động SXKD đạt hiệu quả cao. Chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút nhân sự chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của Tổng công ty trong thời gian tới.

c) Về công tác thị trường: Tiếp tục duy trì quan hệ tốt với khách hàng, thị trường hiện có; Chủ động tìm kiếm, mở rộng thị trường, khách hàng mới nhằm ít

phụ thuộc vào khách hàng và hạn chế được tập trung tỷ trọng lớn cho một thị trường để khắc phục yếu tố rủi ro khi thị trường chịu tác động bất thường về kinh tế, chính trị. Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị quảng bá sản phẩm, thay đổi thiết kế mẫu mã sản phẩm, bắt kịp xu hướng, thị hiếu người sử dụng đối với sản phẩm gỗ tại Xi nghiệp chế biến; xem xét nghiên cứu chuyển đổi nguyên vật liệu sản xuất hoặc chuyển dần sang sản xuất nội thất hướng đến thị trường Mỹ hiện đang rất phổ thông.

d) Về hoạt động đầu tư và triển khai dự án mới: Dự án dăm gỗ PISICO ĐăkLak: đã hoàn thành thủ tục pháp lý, đang tập trung triển khai, đầu tư sớm đưa vào hoạt động ổn định trong năm 2021. Dự án nhà ở xã hội PISICO tại khu vực 7, phường Trần Quang Diệu, Tp.Quy Nhơn: đã được UBND tỉnh Bình Định thống nhất chủ trương cho Tổng Công ty làm chủ đầu tư dự án. Tổng công ty đang tiến hành các bước tiếp theo để triển khai thực hiện dự án. Liên danh Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt và Tổng công ty PISICO đầu tư dự án Khu dân cư Ánh Việt tại Quốc Lộ 1D, Phường Quang Trung, Tp.Quy Nhơn đã được UBND tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương và sẽ triển khai thực hiện trong thời gian tới. Dự án đầu tư Trung tâm đào tạo nghề và cung ứng lao động đi nước ngoài tại Khu đô thị Long Vân: Công ty TNHH MTV HR đã nộp hồ sơ đăng ký đầu tư, hiện chờ các Sở ngành liên quan tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo chủ trương của UBND tỉnh. Ngoài các dự án trên, cần nghiên cứu, xem xét thực hiện: Chuyển nhượng cổ phần tại một số đơn vị có tỷ lệ sở hữu vốn thấp hoặc hoạt động không hiệu quả hoặc địa bàn xa khó quản lý để tập trung vốn đầu tư vào các dự án khác theo định hướng của Tổng công ty; Tìm kiếm quỹ đất trong Tỉnh để xin đầu tư chuyển đổi thay thế diện tích bị thu hồi tại CCN Canh Vinh và mở rộng diện tích rừng trồng của Tổng công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Chi tiết Đính kèm chi tiết Công văn số 79/TCT-TCKT ngày 31/03/2021 và Công văn số 87/TCT-TCKT ngày 05/04/2021 của Tổng Giám đốc.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của PISICO

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo tương đối các tiêu chí môi trường theo quy định.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: PISICO luôn quan tâm, chăm lo đến đời sống CBCNV LĐ trong đơn vị cả về vật chất và tinh thần. Đảm bảo đủ việc làm và có thu nhập ở mức trung bình khá so với mặt bằng chung trên địa bàn Tỉnh. Đóng BHXH đầy đủ, giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách BHXH, ốm đau, thai sản, nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, tiền lương, tiền thưởng, chế độ ăn giữa ca; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao

động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động, bố trí công việc phù hợp với điều kiện sức khỏe và khả năng của người lao động. Thường xuyên quan tâm công tác đào tạo: tạo điều kiện cho người lao động đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, gửi tham dự các lớp tập huấn, các lớp đào tạo.

Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được PISICO quan tâm, tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động: Tổ chức “Ngày hội Tháng công nhân” hàng năm; tổ chức các giải bóng đá giao lưu các đơn vị, các buổi dã ngoại cuối tuần... nhằm tạo môi trường tốt cho người lao động tích cực phấn đấu làm việc.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Ngoài việc phát triển sản xuất và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tạo thêm việc làm và thu nhập cho lao động địa phương trong và ngoài tỉnh. PISICO còn tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ tại địa bàn, các hoạt động tương thân, tương ái, ủng hộ, hỗ trợ các tổ chức xã hội, nhân đạo, ủng hộ đồng bào lũ lụt, nuôi dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng... cũng như các hoạt động khác của địa phương, kết nghĩa với Làng đồng bào dân tộc thiểu số .v.v...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của PISICO

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của PISICO

Năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh, diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã tác động xấu đến mọi mặt hoạt động SXKD của hầu hết các doanh nghiệp nói chung, trong đó có Tổng công ty. Tuy nhiên, sự nhạy bén trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đề ra nhiều giải pháp linh hoạt, hữu hiệu phù hợp thực tiễn từng lĩnh vực hoạt động của các đơn vị thuộc Tổng công ty, đã tập trung đôn đốc giải quyết có hiệu quả những khó khăn ở một số đơn vị tạo điều kiện, đôn đốc tốt, góp phần quan trọng để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2020 ở mức cao nhất và tốt nhất như phân Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc nêu trên.

Từ yếu tố khách quan đặc biệt của năm 2020 đã làm suy giảm mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh; nhằm đảm bảo hài hòa chỉ tiêu kế hoạch và lợi ích, ổn định thu nhập cho người lao động, Hội đồng quản trị đã thống nhất báo cáo Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của công ty mẹ với doanh thu 250 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 24 tỷ đồng, cổ tức từ 7% trở lên.

Ngoài công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động SXKD toàn Tổng công ty, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức thực hiện những vấn đề lớn trong năm 2020 như sau:

- Hợp nhất hai cơ sở sản xuất của Xí nghiệp Chế biến Lâm sản hiện nay đã cơ bản đi vào hoạt động sản xuất ổn định và bước đầu giải quyết được khó khăn của đơn vị.

- Hoàn thành dự án đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy sản xuất dăm gỗ của Công ty cổ phần PISICO Hà Thanh tại Thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh.

- Hoàn thành dự án đầu tư mở rộng quy mô sản xuất tại Công ty cổ phần chế biến gỗ nội thất PISICO.

- Hoàn thành bước thủ tục phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án nhà ở xã hội PISICO, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.

- Dự án xây dựng nhà máy sản xuất dăm gỗ của Công ty cổ phần PISICO ĐăkLăk đã hoàn thành bước thủ tục đền bù bàn giao mặt bằng và đang triển khai hoàn thiện thủ tục pháp lý quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Mở rộng diện tích khai thác mủ cao su tại Công ty BIDINA Lào. Hiện nay, đơn vị đã ổn định hoạt động SXKD và bắt đầu có hiệu quả.

- Đã thu hồi vốn đầu tư tại Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO; thực hiện giải thể Công ty CP Chế biến gỗ PISICO Đồng An do hết thời gian thuê đất theo hợp đồng nhưng Bên cho thuê không tiếp tục cho thuê.

- Đề ra chủ trương liên danh dự án đầu tư khu dân cư Ánh Việt tại quốc lộ 1D, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn có quy mô 3,288ha. Hiện nay, dự án này đã được UBND tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

- Đã đăng ký đề xuất UBND tỉnh thực hiện dự án Trung tâm đào tạo nghề và cung ứng lao động đi nước ngoài của Công ty TNHH Một thành viên HR PISICO tại khu đô thị Long Vân thành phố Quy Nhơn và đã được UBND đồng ý chủ trương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- Qua các nghị quyết, quyết định và chủ trương của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện tương đối toàn diện và cơ bản đạt kết quả tốt nhiệm vụ năm 2020. Một số vấn đề chưa đạt, tồn tại là còn phụ thuộc yếu tố khách quan, thời cơ thuận lợi để triển khai đảm bảo tính chắc chắn và khả thi cao như: Vốn PISICO đầu tư tại Công ty CP Chế biến Tinh bột sản Xuất khẩu Bình Định chưa giải quyết; hoạt động SXKD của Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO còn khó khăn chưa có hiệu quả; Việc triển khai dự án đầu tư nhà máy dăm gỗ tại tỉnh ĐăkLăk của Công ty CP PISICO ĐăkLăk mới hoàn thiện thủ tục đền bù, chưa xúc tiến đầu tư xây dựng nhà máy; Hoạt động của Công ty TNHH MTV HR

PISICO đang trong quá trình tìm kiếm nghiệp đoàn để thực hiện kinh doanh, chưa có hiệu quả; Thiếu nguồn lực nhân sự theo nhu cầu triển khai nhiệm vụ, giải pháp bổ sung tăng cường nhân lực chưa có sự quan tâm đúng mức, nhất là nguồn nhân lực tham mưu chiến lược phát triển doanh nghiệp.

- Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc năm 2020 đã có nhiều cố gắng, nỗ lực đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt, uyển chuyển tạo động lực cho hoạt động SXKD đạt kết quả tương đối ổn định, giữ vững hoạt động trong năm 2020 có nhiều khó khăn thách thức đặc biệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

a) Về mục tiêu định hướng:

- Tiếp tục xây dựng PISICO là tập đoàn kinh tế tư nhân vững mạnh, có thương hiệu, có ngành nghề kinh doanh sản phẩm chiến lược cạnh tranh với thị trường trong nước, quốc tế và không ngừng nâng cao thương hiệu, giá trị cổ phiếu trên thị trường.

- Tích cực quản lý, chỉ đạo để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, với dự kiến các chỉ tiêu theo như báo cáo của Tổng Giám đốc.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển đội ngũ CBCNV có đủ năng lực, có tâm, có tầm đối với nhiệm vụ được giao; nhất là nhân sự chủ lực trong bộ máy tổ chức.

b) Về mục tiêu định hướng năm 2021:

- Về hoạt động SXKD:

+ Tiếp tục giữ vững, phát triển ngành nghề, đơn vị đang hoạt động ổn định, có hiệu quả tốt, có nhiều triển vọng phát triển Tổng công ty. Tiếp tục thực hiện tháo gỡ khó khăn ở những đơn vị yếu kém và tiếp tục nghiên cứu giải pháp thu hồi vốn PISICO đầu tư tại Công ty CP Chế biến tinh bột sắn XK Bình Định.

+ Tích cực quản lý, chỉ đạo để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua với một số chỉ tiêu phấn đấu tại công ty mẹ như Ban Tổng Giám đốc nêu ở phần trên.

- Nghiên cứu triển khai dự án như Ban Tổng Giám đốc đã đề cập ở trên.

- Tổ chức bộ máy và nhân sự: Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy nhân sự tương xứng quy mô hoạt động doanh nghiệp tại từng thời điểm; thực hiện cải cách cơ chế chính sách để thu hút nhân sự tích cực đóng góp xây dựng phát triển hệ thống Tổng công ty.

c) Các giải pháp chủ yếu:

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt phân tích, nhận định tình hình kinh tế trong và ngoài nước để đề ra chương trình hành động của HĐQT sát với thực tiễn điều hành SXKD của Tổng công ty ngày càng hiệu quả hơn

- Nghiên cứu xây dựng chính sách quản trị nhân sự có tính khuyến khích để thu hút nguồn nhân lực chất lượng chuyên môn cao, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kế thừa đáp ứng kịp thời cho sự phát triển của Tổng công ty.

- Giữ vững và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh các ngành nghề truyền thống có thể mạnh như chế biến gỗ, trồng rừng, kinh doanh lĩnh vực xây dựng hạ tầng .v.v.... Đồng thời, mở rộng phát triển các ngành nghề mới như: xuất khẩu lao động, xây dựng sản xuất sản phẩm phụ trợ như xẻ sấy gỗ, bao bì carton .v.v....

- Tiếp tục giữ vững quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống, tạo tình cảm đặc biệt trong kinh doanh; đa dạng hóa sản phẩm và thị trường thông qua các hoạt động thương mại, tránh bị động khi có biến cố xảy ra.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành	Ghi chú
01	Lâm Đình An	Chủ tịch HĐQT	0%	
02	Đông Thị Ánh	Phó Chủ tịch HĐQT	96,82%	Đại diện của Công ty TNHH TM Ánh Vy
03	Vũ Hồng Quân	Thành viên	0%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2020, thực hiện kế hoạch hành động được xác lập ngay từ đầu năm và căn cứ nghị quyết số 28/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị đã nhanh chóng tổ chức triển khai, đề ra những chương trình quản lý, chỉ đạo và giám sát linh hoạt, phù hợp tình hình thực tiễn để Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Tổng công ty đạt kết quả tốt

nhất. Cụ thể việc triển khai nhiệm vụ được thể hiện qua 14 cuộc họp Hội đồng quản trị và ban hành 45 văn bản chỉ đạo điều hành trong đó các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020 gồm các nội dung như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	Nghị quyết			
1	02/NQ-HĐQT	15/02/2020	Thông nhất thông qua Thang lương, bảng lương áp dụng tại PISICO	100%
2	05/NQ-HĐQT	02/03/2020	Thông nhất thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2020 của PISICO	100%
3	08/NQ-HĐQT	20/03/2020	Thông nhất mức tạm ứng cổ tức năm 2019	100%
4	10/NQ-HĐQT	31/03/2020	Thông nhất gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
5	14/NQ-HĐQT	5/7/2020	Thông nhất bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty TNHH MTV Truyền hình Cấp Quy Nhơn	100%
6	18/NQ-HĐQT	15/06/2020	Thông nhất chủ trương bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính PISICO	100%
7	30/NQ-HĐQT	24/06/2020	Thông nhất thông qua kết quả bầu Chủ tịch HĐQT và Phó chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ II (2020-2025)	100%
8	32/NQ-HĐQT	24/06/2020	Thông nhất vay vốn và uỷ quyền cho Tổng giám đốc PISICO thực hiện các giao dịch với tổ chức tín dụng	100%
9	34/NQ-HĐQT	25/06/2020	Thông nhất phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020	100%
10	37/NQ-HĐQT	20/07/2020	Thông nhất chủ trương lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2020	100%
11	39/NQ-HĐQT	26/08/2020	Thông nhất thông qua phê duyệt chủ trương cho triển khai thực hiện Dự án "Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội PISICO"	100%
12	41/NQ-HĐQT	30/09/2020	Thông nhất bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ kiểm soát viên và một số nội	100%

			dung hoạt động của công ty TNHH một thành viên HR PISICO	
13	44/NQ-HĐQT	01/10/2020	Thống nhất phê duyệt tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020	100%
14	47/NQ-HĐQT	21/12/2020	Thống nhất chủ trương thực hiện giải thể Công ty cổ phần Chế biến Gỗ PISICO Đồng An là công ty liên kết PISICO	100%
II	Quyết định			
1	03/QĐ-HĐQT	15/02/2020	Phê duyệt và ban hành sửa đổi hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương áp dụng tại PISICO	
2	15/QĐ-HĐQT	5/7/2020	Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV Truyền hình Cấp Quy Nhơn	
3	35/QĐ-HĐQT	25/06/2020	Phê duyệt tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019	
4	42/QĐ-HĐQT	30/09/2020	Bổ nhiệm kiểm soát viên Công ty TNHH MTV HR PISICO	
5	45/QĐ-HĐQT	01/10/2020	Phê duyệt tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020	

Tình hình tham dự họp Hội đồng quản trị của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông: Lâm Đình An	14	100%	
2	Bà: Đồng Thị Ánh	14	100%	
3	Ông: Vũ Hồng Quân	14	100%	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành

01	Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng ban	0%
02	Đông Thị Quỳnh Hương	Thành viên	0%
03	Nguyễn Tấn Bảo Toàn	Thành viên	0,018%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 24/06/2020 đã bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020-2025) gồm 3 thành viên và Ban kiểm soát đã họp phiên thứ nhất bầu ông Nguyễn Hoàng Hải giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên nhằm thống nhất kế hoạch triển khai và đã thực hiện triển khai công tác giám sát tình hình hình hoạt động SXKD, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành, thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Ngoài ra các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi công việc qua email, điện thoại ,v.v... nhằm nắm bắt về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của PISICO.

Các thành viên Ban kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm trong việc thực thi nhiệm vụ được giao một cách trung thực, khách quan với tinh thần vì lợi ích của cổ đông theo quy định của điều lệ PISICO và theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và Kế toán trưởng thực hiện năm 2020 là: 2.389.715.000 đồng.

- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách: 120.000.000 đồng

- Thù lao thành viên BKS không chuyên trách: 60.000.000 đồng

Tổng cộng: 2.569.715.000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Đáp ứng yêu cầu. Chưa bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện bổ nhiệm trong thời gian tới và tiếp tục tăng cường nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo quy định mới về quản trị công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Chi tiết đính kèm trong Báo cáo tài chính tổng hợp công ty mẹ và Báo cáo tái chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính công ty mẹ công bố tại Website: [www.http://pisico.vn](http://pisico.vn). và đã được công bố theo Công văn số 79/TCT-TCKT ngày 31/03/2021 và Công văn số 87/TCT-TCKT ngày 05/04/2021 của Tổng Giám đốc Tổng công ty PISICO Bình Định – Công ty cổ phần đã gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Website PISICO;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Lâm Đình An



Phụ lục 1: CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2020)


STT	Tên đơn vị	Công ty con, công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ thực góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Truyền hình Cấp Quy Nhơn	Công ty con	198 Trần Hưng Đạo, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp	4.928.380.712	100%	
2	Công ty TNHH Một thành viên HR PISICO	Công ty con	99 Tây Sơn, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và dịch vụ du học	5.000.000.000	100%	
3	Công ty Cổ phần PISICO Đắc Lắc	Công ty con	Số 25 An Dương Vương, Thị trấn M'Đrăk, M'Đrăk, Đắc Lắc	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu giấy	1.365.600.000	75,87%	
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng PBC	Công ty con	Lô điều hành CCN Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, Bình Định	Kinh doanh hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp	10.625.000.000	70,83%	
5	Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn	Công ty con	Đường số 10, KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn, Bình Định	Kinh doanh nguyên liệu giấy	12.495.000.000	51%	
6	Công ty CP kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (BIDINA)	Công ty liên kết	Tầng 5, 99 Tây Sơn, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Trồng, chế biến mù cao su tại nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào	90.000.000.000	50%	
7	Công ty Cổ phần PISICO Hà Thanh		Cụm công nghiệp Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu giấy	7.620.000.000	46,18%	
8	Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất PISICO		Lô C6-C7, Khu CN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Sản xuất giường tủ, bàn ghế bằng gỗ	6.002.000.000	40,01%	



Phụ lục 2: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD THEO TỔNG HỢP CÔNG TY MẸ
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2020)

Nội dung	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Biến động so với	
		Kế hoạch (theo điều chỉnh)	Thực hiện	Năm 2019	Kế hoạch
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh					
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (m3)	598,96		893,92		
2. Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu (m3)	265,33		586,93		
3. Tồn kho cuối kỳ (m3)	216,48		409,67		
B. Chỉ tiêu tài chính					
Tổng doanh thu		250.000.000.000	251.958.656.260		0,78%
1. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	408.617.184.267		220.795.718.942	-46,0%	
2. Giá vốn hàng bán	369.865.351.146		199.995.293.003	-45,9%	
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	38.751.833.121		20.800.425.939	-46,3%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.004.560.693		19.447.029.751	-15,5%	
5. Chi phí tài chính	4.591.235.644		6.676.520.631	45,4%	
6. Chi phí bán hàng	11.943.634.064		4.451.002.964	-62,7%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.014.822.146		13.220.520.204	-5,7%	
8. Lợi nhuận về hoạt động kinh doanh	31.206.701.960		15.899.411.891	-49,1%	
9. Thu nhập khác	183.991.295		11.715.907.567	6267,6%	
10. Chi phí khác	528.588		1.016.698.145	192242,3%	
11. Lợi nhuận khác	183.462.707		10.699.209.422	5731,8%	
12. Tổng LN kế toán trước thuế	31.390.164.667	24.000.000.000	26.598.621.313	-15,3%	10,8%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.681.197.249		2.430.672.826	-9,3%	
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	709.173.694		578.951.010	-18,4%	
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.999.793.724		23.588.997.477	-15,8%	

Phụ lục 3: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO HỢP NHẤT
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2020)



STT	Kết quả kinh doanh	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	% Tăng/giảm so với năm 2019
1	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	709.232.107.251	564.490.272.675	-20,4%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	709.232.107.251	564.490.272.675	-20,4%
4	Giá vốn hàng bán	604.905.634.645	488.636.979.619	-19,2%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.326.472.606	75.853.293.056	-27,3%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	11.376.293.599	8.044.458.035	-29,3%
7	Chi phí tài chính	6.384.718.671	7.390.449.173	15,8%
8	Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	3.909.308.063	6.826.487.196	74,6%
9	Chi phí bán hàng	42.957.578.336	30.989.093.438	-27,9%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.728.998.756	25.403.724.525	-8,4%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	42.540.778.505	26.940.971.151	-36,7%
12	Thu nhập khác	363.079.114	11.843.748.767	3162,0%
13	Chi phí khác	987.171.331	2.549.007.340	158,2%
14	Lợi nhuận khác	(624.092.217)	9.294.741.427	1589,3%
15	Tổng lợi nhuận trước thuế	41.916.686.288	36.235.712.578	-13,6%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.622.111.208	4.984.473.347	-24,7%
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	709.173.694	486.717.312	-31,4%
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.585.401.386	30.764.521.919	-11,0%
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	29.536.837.879	27.839.706.788	-5,7%
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	5.048.563.507	2.924.815.131	-42,1%
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	992	1.012	2,1%



Phụ lục 4: TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2020)

												<i>ĐVT: Triệu đồng</i>
TT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn điều lệ		PHẦN SỞ HỮU CỦA PISCO				Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo
		Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020	Tỷ lệ sở hữu		Giá trị		01/01/2019 -31/12/2019	01/01/2020 -31/12/2020	01/01/2019 -31/12/2019	01/01/2020 -31/12/2020	
				Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020					
I	Công ty con											
-	Cty TNHH MTV truyền hình Cáp Quy Nhơn	10.000	10.000	100	100	4.928	4.928	33.025	32.381	4.602,7	4.578,3	1.500,0
-	Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	15.000	15.000	70,83	70,83	10.625	10.625	12.094	13.226	4.701,7	5.953,0	0,0
-	Cty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy nhơn	24.500	24.500	51	51	12.495	12.495	351.495	301.300	7.892,3	3.805,0	1.499,4
-	Công ty TNHH MTV HR PISCO	5.000	5.000	100	100	5.000	5.000	0	5	-23,0	-852,1	0,0
-	Công ty CP PISCO ĐAKLAK	15.000	15.000	0	75,87	0	1.366	0	0	0,0	0,0	0,0
II	Công ty Liên kết											
-	Cty CP kinh doanh CNN Bình Định (BIDINA)	180.000	180.000	50	50	90.000	90.000	35.018	56.796	-22.341,0	-5.825,0	0,0
-	Cty CP Chế biến gỗ PISCO Đồng An	17.600	0	31,28	0,00	5.505	0	150.295	80.709	5.155,0	4.655,0	4.624,3
-	Công ty CP chế biến gỗ Nội thất PISCO	15.000	22.500	40,01	40,01	6.002	9.003	152.943	161.075	13.636,5	18.677,8	3.150,8
-	Công ty CP PISCO Hà Thanh	16.500	23.800	44,97	44,97	7.420	10.703	400.597	365.808	8.127,8	5.078,8	2.029,0
-	Cty TNHH Vật liệu xây dựng PISCO	20.000	x	35	x	7.000	x	691	x	-2.671,6	x	x
-	Cty TNHH SX Dăm gỗ Bình Định	15.321	15.321	22,95	22,95	3.516	3.516	322.652	239.431	3.863,0	37,3	1.396,3
III	Đầu tư tài chính											
-	Cổ phiếu VICOSIMEX	x	x	x	x	30	30	x	x	x	x	11,7
-	Cty CPCB Lâm sản PISCO Quảng nam	12.000	12.000	18,96	18,96	2.275	2.275	809.174	734.184	14.684,5	10.292,2	1.820,0
-	CTCP chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	28.000	28.000	12,71	12,71	3.558	3.558	x	x	x	x	0,0



Phụ lục 5: TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2020)

Chỉ tiêu	BCTC Công ty mẹ			BCTC hợp nhất		
	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	454.835.633.147	441.488.932.563	-2,9%	600.980.786.258	557.144.453.945	-7,3%
Doanh thu thuần	408.617.184.267	220.795.718.942	-46,0%	709.232.107.251	564.490.272.675	-20,4%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	31.206.701.960	15.899.411.891	-49,1%	42.540.778.505	26.940.971.151	-36,7%
Lợi nhuận khác	183.462.707	10.699.209.422	5731,8%	(624.092.217)	9.294.741.427	1589,3%
Lợi nhuận trước thuế	31.390.164.667	26.598.621.313	-15,3%	41.916.686.288	36.235.712.578	-13,6%
Lợi nhuận sau thuế	27.999.793.724	23.588.997.477	-15,8%	34.585.401.386	30.764.521.919	-11,0%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	98,22%	96,18%	-2,1%			



Phụ lục 6: CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2020)

Chỉ tiêu	BCTC công ty mẹ		BCTC hợp nhất	
	12/31/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,27	2,85	1,84	2,33
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,89	2,13	1,22	1,50
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,31	0,30	0,37	0,34
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,45	0,42	0,59	0,52
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	11,40	6,09	8,13	5,66
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,90	0,50	1,18	1,01
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,07	0,11	0,05	0,05
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,08	0,09	0,08
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,05	0,06	0,06
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,08	0,07	0,06	0,05

Phụ lục 7: TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2020)

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày	Tại ngày	Biến động
		1/1/2020	31/12/2020	
1.	Tổng tài sản	454.835.633.147	441.488.932.563	-2,9%
2.	Vốn chủ sở hữu	314.439.535.845	309.996.537.241	-1,4%
3.	Nợ phải thu	109.252.951.734	99.109.445.001	-9,3%
	Trong đó: Nợ khó đòi	1.857.395.146	3.418.720.205	84,1%
4.	Nợ phải trả	140.396.097.302	131.492.395.322	-6,3%
	Trong đó: Nợ quá hạn	0	0	

Số: 87/TCT-TCKT

Bình Định, ngày 05 tháng 04 năm 2021

V/v công bố thông tin về Báo cáo tài chính
hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và
giải trình các nội dung liên quan.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tổ chức công bố thông tin

Tên Công ty: Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP

Mã chứng khoán: PIS

Địa chỉ: số 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng Thành phố Quy Nhơn – Bình Định

Điện thoại: (0256) 3947099 Fax: (0256) 3947029

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đồng Thị Ánh - Tổng giám đốc

2. Nội dung công bố thông tin:

2.1. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP (PISICO) đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, cụ thể:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020.

2.2. Các nội dung giải trình:

a) Giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2020 so với năm trước.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
1	Doanh thu	564.490.272.675	709.232.107.251	-20,4%
2	Lợi nhuận gộp	75.853.293.056	104.326.472.606	-27,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	30.764.521.919	34.585.401.386	-11,05%

Lợi nhuận sau thuế giảm 11,05% chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm cho Doanh thu giảm 20,4%, Lợi nhuận gộp giảm 27,3%.

b) Giải trình biến động số liệu, kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2020 đã công bố thông tin so với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (Đã kiểm toán)	Năm 2020 (Đã công bố thông tin)	Chênh lệch
1	Phần lãi trong Cty liên doanh, liên kết	6.826.487.196	2.347.362.857,00	190,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	30.764.521.919	26.285.397.580,00	17,0%

Lợi nhuận sau thuế tăng 17%, Phần lãi trong Công ty liên doanh liên kết tăng 190,8% chủ yếu là do kiểm toán điều chỉnh bổ sung phần lợi nhuận từ các Công ty liên kết, vị tại thời điểm công bố thông tin, Tổng Công ty chưa thu thập được đầy đủ thông tin tại các công ty liên doanh liên kết.

Địa chỉ Website đăng tải: Thông tin này đã được công bố trên Website của PISICO vào ngày 05/04/2021 tại đường dẫn: www.pisico.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PISICO;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các phòng nghiệp vụ
- Lưu: VT.



Đông Chi Anh



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Đình An	Chủ tịch
Bà Đồng Thị Ánh	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Quân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng ban
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Bảo Toàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đồng Thị Ánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đông Thị Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 02 tháng 4 năm 2021, từ trang 4 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Đình Tư
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 4 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ưng Hồng Diễm An
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4132-2017-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		246.016.748.809	254.559.906.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	22.982.970.994	28.704.762.762
1. Tiền	111		22.982.970.994	27.704.762.762
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.714.908.950	19.446.476.145
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	27.714.908.950	19.446.476.145
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.978.724.212	120.855.897.895
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	33.790.350.650	30.494.173.368
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	19.545.885.042	63.870.334.230
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	39.365.000.000	18.410.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	20.841.248.153	15.511.253.993
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(8.563.759.633)	(7.429.863.696)
IV. Hàng tồn kho	140		87.901.585.571	84.804.336.836
1. Hàng tồn kho	141	11	87.901.585.571	84.804.336.836
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.438.559.082	748.432.765
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		677.589.483	618.639.225
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.648.100.831	4.590.056
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	112.868.768	125.203.484
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		311.127.705.136	346.420.879.855
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		214.809.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		214.809.000	-
II. Tài sản cố định	220		87.296.698.362	97.700.704.616
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	73.422.397.366	83.423.542.088
- Nguyên giá	222		180.829.695.993	180.343.751.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.407.298.627)	(96.920.209.848)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	13.874.300.996	14.277.162.528
- Nguyên giá	228		16.970.834.944	16.970.834.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.096.533.948)	(2.693.672.416)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	39.074.491.828	44.442.472.355
- Nguyên giá	231		86.217.487.253	88.685.070.015
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(47.142.995.425)	(44.242.597.660)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.328.432.038	6.389.748.881
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		5.223.006.318	5.758.621.872
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.105.425.720	631.127.009
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		162.920.664.624	184.648.779.232
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	156.352.950.601	178.081.065.209
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	7.451.619.996	7.451.619.996
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	18	(883.905.973)	(883.905.973)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.292.609.284	13.239.174.771
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	12.881.130.423	10.866.612.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	1.174.295.607	1.661.012.919
3. Lợi thế thương mại	269	21	237.183.254	711.549.764
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		557.144.453.945	600.980.786.258

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		189.725.350.661	223.524.546.862
I. Nợ ngắn hạn	310		105.477.917.379	138.705.266.612
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	20.417.769.694	20.589.907.526
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.388.787.398	6.585.631.468
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.545.353.567	4.983.699.125
4. Phải trả người lao động	314		5.766.267.239	7.380.344.980
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.104.521.245	1.056.631.193
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	4.952.483.265	7.013.850.985
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.471.416.928	6.824.921.730
8. Vay ngắn hạn	320	24	62.858.786.143	82.894.197.818
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		972.531.900	1.376.081.787
II. Nợ dài hạn	330		84.247.433.282	84.819.280.250
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	23	77.451.211.570	74.668.058.538
2. Phải trả dài hạn khác	337		4.928.380.712	4.928.380.712
3. Vay dài hạn	338	25	1.867.841.000	5.222.841.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		367.419.103.284	377.456.239.396
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	367.419.103.284	377.456.239.396
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		15.900.677.611	19.949.896.479
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.703.335.540	12.703.335.540
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.722.579.795	43.659.351.658
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.382.873.007	18.792.463.780
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		26.339.706.788	24.866.887.878
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	27	28.092.510.338	26.143.655.719
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		557.144.453.945	600.980.786.258

Nguyễn Đức Phước
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng


Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 4 năm 2021





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		564.490.272.675	709.232.107.251
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	29	564.490.272.675	709.232.107.251
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		488.636.979.619	604.905.634.645
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		75.853.293.056	104.326.472.606
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	8.044.458.035	11.376.293.599
6. Chi phí tài chính	22	32	7.390.449.173	6.384.718.671
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.551.336.857	5.931.295.228
7. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24	33	6.826.487.196	3.909.308.063
8. Chi phí bán hàng	25	34	30.989.093.438	42.957.578.336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	25.403.724.525	27.728.998.756
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		26.940.971.151	42.540.778.505
11. Thu nhập khác	31	35	11.843.748.767	363.079.114
12. Chi phí khác	32	35	2.549.007.340	987.171.331
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		9.294.741.427	(624.092.217)
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		36.235.712.578	41.916.686.288
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	4.984.473.347	6.622.111.208
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	486.717.312	709.173.694
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		30.764.521.919	34.585.401.386
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		27.839.706.788	29.536.837.879
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.924.815.131	5.048.563.507
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.012	992


Nguyễn Đức Phước
Người lập biểu


Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng


Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.235.712.578	41.916.686.288
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	15.326.559.659	15.560.896.114
Các khoản dự phòng	03	1.133.895.937	1.114.457.222
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	64.325.620	29.122.753
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.187.499.331)	(14.483.129.792)
Chi phí lãi vay	06	3.551.336.857	5.931.295.228
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.124.331.320	50.069.327.813
Thay đổi các khoản phải thu	09	39.661.213.281	26.464.325.058
Thay đổi hàng tồn kho	10	(2.325.443.363)	(1.824.025.350)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(4.579.183.367)	11.315.555.907
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.599.102.083)	(130.146.224)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.596.057.946)	(5.967.058.237)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.578.327.903)	(4.610.186.521)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.930.000	2.090.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.345.612.968)	(5.267.748.359)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51.773.746.971	70.052.134.087
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.208.865.225)	(8.792.592.764)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	8.208.708.909	312.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(60.952.426.840)	(20.347.187.894)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	31.728.994.035	12.326.473.940
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.248.480.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	13.464.556.800	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.918.696.961	11.105.748.918
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.088.815.360)	(5.394.830.528)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	364.400.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	385.425.374.284	471.923.330.770
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(408.878.834.663)	(508.056.058.642)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(30.314.316.500)	(24.687.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(53.403.376.879)	(60.819.727.872)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(5.718.445.268)	3.837.575.687
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.704.762.762	24.867.048.278
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.346.500)	138.797
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	22.982.970.994	28.704.762.762

Nguyễn Đức Phước
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng

Đông Thị Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 4 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần, 5 công ty con và 4 công ty liên doanh, liên kết, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định là Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Một thành viên ("MTV") do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Ngày 17 tháng 10 năm 2013, UBND Tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định thành Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần.

Công ty mẹ chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần ("CTCP") kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Công ty mẹ đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM theo Quyết định số 851/QĐ-SGDHN ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIS. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIS là ngày 12 tháng 01 năm 2016 (theo sự chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 1501/TB-SGDHN ngày 31 tháng 12 năm 2015).

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 294 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 358 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ bao gồm trồng và khai thác rừng; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Thảm dò, khai thác, chế biến mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu cho ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Kinh doanh dịch vụ cảng biển; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ ăn uống; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản; Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

Sự kiện quan trọng trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2020, sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra ("Covid-19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đồng thời theo dõi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang tiếp tục theo dõi tình hình diễn biến của dịch bệnh và cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty mẹ có các chi nhánh trực thuộc như sau:

- (i) Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-001 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của chi nhánh này là sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- (ii) Xí nghiệp Lâm nghiệp – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-003 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của chi nhánh này là trồng rừng và chăm sóc rừng.
- (iii) Xí nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng PISICO – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-018 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của chi nhánh này là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Các công ty con

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
CTCP Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	70,83%	70,83%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, cho thuê cơ sở hạ tầng.
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	100%	100%	Quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành truyền hình; Hoạt động kinh doanh các chương trình quảng cáo, dịch vụ truyền thông, tổ chức sự kiện cho các doanh nghiệp.
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	51%	51%	Thu mua, chế biến và sản xuất dăm gỗ xuất khẩu.
Công ty TNHH MTV HR Pisico	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	100%	100%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;



Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời.

CTCP Pisico Đăk Lăk	M'Đrăk, Đăk Lăk, Việt Nam	75,87%	75,87%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
---------------------	---------------------------------	--------	--------	---

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C (gọi tắt là "CTCP PBC") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350300041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 19 tháng 02 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của CTCP PBC đặt tại Lô điều hành Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Hoạt động chính của CTCP PBC bao gồm kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, cho thuê cơ sở hạ tầng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ vào CTCP PBC là 13.625.000.000 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Truyền hình cáp Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101321208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 23 tháng 3 năm 2012 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn đặt tại 198 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Hoạt động chính của Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn bao gồm quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp; kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành truyền hình; hoạt động kinh doanh các chương trình quảng cáo, dịch vụ truyền thông, tổ chức sự kiện cho các doanh nghiệp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn là 5.469.524.664 đồng.

Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350200061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 20 tháng 10 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn đặt tại Đường số 10, Khu công nghiệp Phú Tài, Phường Bùi Thị Xuân, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Hoạt động chính của Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn bao gồm chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn là 14.101.830.626 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HR Pisico (gọi tắt là "Công ty HR Pisico") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101538507 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 02 năm 2019. Trụ sở đăng ký của Công ty HR Pisico đặt tại 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định. Hoạt động chính của Công ty HR Pisico bao gồm cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; cung ứng và quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài; dịch vụ hỗ trợ giáo dục; giáo dục khác chưa được phân vào đâu; hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm và cung ứng lao động tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty HR Pisico là 5.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần PISICO Đăk Lăk (gọi tắt là "CTCP PISICO Đăk Lăk") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6001663071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 02 tháng 7 năm 2019. Trụ sở đăng ký của CTCP PISICO Đăk Lăk đặt tại 25 An Dương Vương, Thị trấn M'Đrăk, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đăk Lăk. Hoạt động chính của CTCP PISICO Đăk Lăk bao gồm kinh doanh sản xuất dăm gỗ và chế biến nguyên liệu giấy. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ vào CTCP PISICO Đăk Lăk với số tiền là 1.365.600.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 0 đồng).

Các công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty với tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ từ 20% đến 50%:

CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định “CNN Bình Định”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100583151 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 30 tháng 12 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định đặt tại Số 99 Tây Sơn, Phường Ghènh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định. Hoạt động chính của CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định là trồng và khai thác cây cao su. Tổng vốn điều lệ của CTCP Công nông nghiệp Bình Định là 180 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 50% tại Công ty này. CTCP Công nông nghiệp Bình Định có công ty con là Công ty TNHH Lào Bidina với tỷ lệ sở hữu là 100%.

Công ty TNHH Lào Bidina được thành lập tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy phép đầu tư nước ngoài số 131-06/UB-KHĐT ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp, và giấy phép điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty TNHH Lào Bidina là trồng và khai thác cây cao su.

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất PISICO (gọi tắt là “CTCP Nội thất PISICO”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 3503000173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của CTCP Nội thất PISICO đặt tại Lô C6-C7 Khu Công nghiệp Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Hoạt động chính của CTCP Nội thất PISICO bao gồm sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Tổng vốn điều lệ của CTCP Nội thất PISICO là 22,5 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 40,01% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 40,01%).

Công ty Cổ phần PISICO Hà Thanh (gọi tắt là “CTCP PISICO Hà Thanh”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101191767 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 19 tháng 3 năm 2011, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của CTCP PISICO Hà Thanh đặt tại Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Xã Canh Vinh, Huyện Vân Canh, Bình Định. Hoạt động chính của CTCP PISICO Hà Thanh bao gồm sản xuất bột giấy, giấy và bìa. Tổng vốn điều lệ của CTCP PISICO Hà Thanh là 23,8 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 44,97% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 44,97%).

Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định (gọi tắt là “Công ty Dăm gỗ Bình Định”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 351043000109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 6 năm 2008, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Dăm gỗ Bình Định đặt tại Đường Tây Sơn, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Hoạt động chính của Công ty Dăm gỗ Bình Định bao gồm thu mua, chế biến và sản xuất dăm gỗ xuất khẩu. Tổng vốn điều lệ của Công ty Dăm gỗ Bình Định là 9 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu gián tiếp và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn lần lượt là 22,95% và 45% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: tỷ lệ sở hữu gián tiếp và tỷ lệ quyền biểu quyết lần lượt là 22,95% và 45%).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát ("các công ty con") được lập cho đến ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính. Khoản này được ghi tăng (giảm) giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản mục tương ứng của vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp công ty liên kết sử dụng ngoại tệ, không phải là Đồng Việt Nam, làm đơn vị tiền tệ kế toán, cho mục đích hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, báo cáo được tài chính của công ty liên kết được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối niên độ;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi nhuận, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân năm tài chính;
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty liên kết sử dụng đồng tiền kế toán là ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán của công ty liên kết; và chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 và chỉ tiêu “Lợi ích cổ đông không kiểm soát” - Mã số 429 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



- Tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính được công ty liên kết lựa chọn theo ngân hàng mà công ty thường xuyên có giao dịch.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 3 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho mua ngoài bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	3 - 15
Tài sản khác	4 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao theo quy định hiện hành. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 4 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính từ 16 đến 50 năm.

2010
CHI N
NG T
ELO
IẾT
PHỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện các khoản chi phí đã phát sinh liên quan đến hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ đối với rừng kinh tế do Tổng Công ty tự trồng và dự kiến sẽ thu hoạch trong thời gian hơn 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản dài hạn khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu liên quan đến tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng, giá vốn công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

017
HÀN
TN
HT
NAI
30

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính nước ngoài và báo cáo tài chính có đồng tiền kế toán là ngoại tệ được trình bày tại phần chính sách kế toán Đầu tư vào công ty liên kết bên trên.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	3.181.244.641	1.833.807.122
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.801.726.353	25.870.955.640
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	<u>22.982.970.994</u>	<u>28.704.762.762</u>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,5%/năm đến 7,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 7,4%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 39)	11.737.963.102	4.290.328.369
b. Các bên thứ ba	22.052.387.548	26.203.844.999
OBI Group Sourcing Hong Kong Limited	3.842.217.269	-
Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi	-	8.934.046.031
Asindo Limited	-	2.818.192.859
Các khách hàng khác	18.210.170.279	14.451.606.109
	<u>33.790.350.650</u>	<u>30.494.173.368</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một phần khoản phải thu đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 24.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 39)	14.300.000.000	60.000.000.000
b. Các bên thứ ba	5.245.885.042	3.870.334.230
CTCP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Phương Việt	1.697.790.000	-
Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	-	1.000.000.000
Các khách hàng khác	3.548.095.042	2.870.334.230
	19.545.885.042	63.870.334.230

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy (*)	33.630.780.000	14.220.780.000
CTCP CNN Bình Định (**)	5.734.220.000	4.189.220.000
	39.365.000.000	18.410.000.000

(*) Thể hiện khoản cho vay ngắn hạn tín chấp đối với Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy, cổ đông lớn, với lãi suất cho vay là 6,5%/năm.

(**) Thể hiện khoản cho vay ngắn hạn tín chấp đối với CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định, với lãi suất cho vay là 6,5%/năm nhằm mục đích hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 39)	14.415.958.529	9.974.701.592
b. Các bên thứ ba	6.425.289.624	5.536.552.401
CTCP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
CTCP Lâm sản PISICO Quảng Nam	1.820.000.000	2.047.500.000
Khác	3.572.086.052	2.455.848.829
	20.841.248.153	15.511.253.993

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
Trên 3 năm	6.439.267.252	(6.439.267.252)	4.700.756.821	(4.700.756.821)
Từ 2-3 năm	632.633.483	(442.843.438)	1.289.574.922	(902.022.229)
Từ 1-2 năm	1.735.352.921	(867.676.463)	2.724.444.020	(1.361.736.144)
Từ 6 tháng - 1 năm	2.713.241.595	(813.972.480)	1.552.133.409	(465.348.502)
	11.520.495.251	(8.563.759.633)	10.266.909.172	(7.429.863.696)

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	139.228.076	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.117.943.668	-	14.061.614.853	-
Công cụ, dụng cụ	1.824.233.848	-	1.489.122.937	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	39.567.533.021	-	31.905.911.971	-
Thành phẩm	28.933.170.605	-	36.562.849.477	-
Hàng hoá	3.458.704.429	-	645.609.522	-
	87.901.585.571	-	84.804.336.836	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một phần hàng tồn kho đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng với giá trị được định giá là 19.751.000.000 đồng như trình bày tại Thuyết minh 24.

(*) Trong chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm chi phí thẩm định hồ sơ và khảo sát địa chất với giá trị là 236.189.818 đồng cho giai đoạn đầu của dự án “Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Pisico” theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số39/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 8 năm 2020 với tổng mức đầu tư 284.339.000.000 đồng.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	125.203.484	125.203.484	112.868.768	112.868.768
	125.203.484	125.203.484	112.868.768	112.868.768
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	1.806.098.566	28.408.747.103	29.229.089.085	985.756.584
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5.663.561	387.383.847	393.047.408	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.374.077.313	2.374.077.313	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.605.911.807	4.859.269.863	6.465.459.135	999.722.535
Thuế thu nhập cá nhân	71.025.191	826.216.730	825.970.990	71.270.931
Các loại thuế khác	495.000.000	930.211.662	936.608.145	488.603.517
	4.983.699.125	37.785.906.518	40.224.252.076	2.545.353.567

2017
NHÂN
TY TI
OIT
E NA
HỒ C

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	79.800.318.506	83.525.359.098	14.504.912.399	1.457.678.251	1.055.483.682	180.343.751.936
Tăng trong năm	136.044.057	170.000.000	1.329.900.000	-	-	1.635.944.057
Thanh lý	-	(450.000.000)	(700.000.000)	-	-	(1.150.000.000)
Số dư cuối năm	79.936.362.563	83.245.359.098	15.134.812.399	1.457.678.251	1.055.483.682	180.829.695.993
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	35.451.254.830	49.960.062.586	9.371.812.917	1.193.349.125	943.730.390	96.920.209.848
Khấu hao trong năm	3.557.403.915	7.013.886.228	880.622.431	131.247.001	53.929.204	11.637.088.779
Thanh lý	-	(450.000.000)	(700.000.000)	-	-	(1.150.000.000)
Số dư cuối năm	39.008.658.745	56.523.948.814	9.552.435.348	1.324.596.126	997.659.594	107.407.298.627
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	44.349.063.676	33.565.296.512	5.133.099.482	264.329.126	111.753.292	83.423.542.088
Tại ngày cuối năm	40.927.703.818	26.721.410.284	5.582.377.051	133.082.125	57.824.088	73.422.397.366

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 42.254.610.435 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 38.102.121.140 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 34.766.632.556 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 42.486.600.022 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	16.916.834.944	54.000.000	16.970.834.944
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.653.172.416	40.500.000	2.693.672.416
Khấu hao trong năm	389.361.532	13.500.000	402.861.532
Số dư cuối năm	3.042.533.948	54.000.000	3.096.533.948
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	14.263.662.528	13.500.000	14.277.162.528
Tại ngày cuối năm	13.874.300.996	-	13.874.300.996

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 54.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 đồng).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cụm công nghiệp Cát Nhơn và Canh Vinh VND	Cụm công nghiệp Nhơn Bình VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	50.049.350.032	38.635.719.983	88.685.070.015
Giảm tài sản (*)	(2.467.582.762)	-	(2.467.582.762)
Số dư cuối năm	47.581.767.270	38.635.719.983	86.217.487.253
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	9.686.575.303	34.556.022.357	44.242.597.660
Trích khấu hao trong năm	696.732.340	2.589.877.008	3.286.609.348
Giảm tài sản (*)	(386.211.583)	-	(386.211.583)
Số dư cuối năm	9.997.096.060	37.145.899.365	47.142.995.425
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	40.362.774.729	4.079.697.626	44.442.472.355
Tại ngày cuối năm	37.584.671.210	1.489.820.618	39.074.491.828

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này vì Tổng Công ty có ý định nắm giữ các bất động sản đầu tư này lâu dài để thu lợi ích từ việc cho thuê và cũng như không xác định được các bất động sản đầu tư cùng loại để xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Quyết định số 3188/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Định ngày 05 tháng 8 năm 2020 với nội dung phê duyệt hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (đợt 2), UBND tỉnh Bình Định quyết định thu hồi và đền bù một phần dự án Cụm công nghiệp Canh Vinh của Tổng Công ty. Do đó, Tổng Công ty điều chỉnh giảm tương ứng giá trị nguyên giá và khấu hao lũy kế của phần diện tích bị thu hồi.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 740.453.372 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 740.453.372 đồng).

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
CTCP CNN Bình Định	111.281.994.584	121.728.191.067
CTCP Nội thất PISICO	17.628.230.129	13.650.907.095
CTCP PISICO Hà Thanh	10.992.712.836	8.849.085.331
Công ty Dăm gỗ Bình Định	16.450.013.052	18.212.187.732
CTCP PISICO Đồng An (*)	-	9.772.806.263
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO (**)	-	5.867.887.721
	<u>156.352.950.601</u>	<u>178.081.065.209</u>

(*) Trong năm, CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An đã thực hiện giải thể theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04-2020/NQ-HĐQT của CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An ngày 07 tháng 12 năm 2020.

(**) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ giá trị phần góp vốn tại Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 46/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2019.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	716.914.417.997	863.326.090.680
Tổng nợ phải trả	417.523.454.545	506.234.243.399
Tài sản thuần	299.390.963.452	357.091.847.281
Phần lợi ích của Công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết	<u>156.352.950.601</u>	<u>178.081.065.209</u>

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
CTCP Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	35.000.000	35.000.000
CTCP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	3.639.669.130	3.639.669.130
CTCP Lâm sản PISICO Quảng Nam	3.776.950.866	3.776.950.866
	<u>7.451.619.996</u>	<u>7.451.619.996</u>

18. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
CTCP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	883.905.973	883.905.973

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuê kết cấu hạ tầng	7.042.853.806	6.566.373.924
Vật tư lắp đặt internet	3.497.428.390	947.237.430
Thuê đất	-	1.024.220.400
Khác	2.340.848.227	2.328.780.334
	12.881.130.423	10.866.612.088

20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.687.977.115	4.957.366.860
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.513.681.508)	(3.296.353.941)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.174.295.607	1.661.012.919

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.513.681.508	3.296.353.941
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(3.513.681.508)	(3.296.353.941)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

21. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.423.099.529
HAO MÒN	
Số dư đầu năm	711.549.765
Trích khấu hao trong năm	474.366.510
Số dư cuối năm	1.185.916.275
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	711.549.764
Tại ngày cuối năm	237.183.254

Lợi thể thương mại phát sinh từ việc Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn trong năm 2018.

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND	
ScanCom Ltd.	2.620.420.054	2.620.420.054	-	-
Nguyễn Ngọc Vinh	1.330.936.600	1.330.936.600	-	-
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	1.205.864.820	1.205.864.820	497.992.645	497.992.645
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Trang	1.096.883.357	1.096.883.357	247.907.253	247.907.253
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	1.020.278.337	1.020.278.337	1.810.562.401	1.810.562.401
DNTN Dệt may Thương mại Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
XN KD DVTH Cảng Qui Nhơn	450.607.366	450.607.366	1.517.367.671	1.517.367.671
Các nhà cung cấp khác	11.692.779.160	11.692.779.160	15.516.077.556	15.516.077.556
	20.417.769.694	20.417.769.694	20.589.907.526	20.589.907.526

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cho thuê văn phòng làm việc	249.255.000	279.375.000
Cho thuê đất	-	1.122.500.000
Cho thuê truyền hình cáp và mạng internet	878.364.182	628.022.837
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	3.804.470.141	4.943.392.542
Khác	20.393.942	40.560.606
	4.952.483.265	7.013.850.985
b. Dài hạn		
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	77.443.725.209	74.662.460.995
Khác	7.486.361	5.597.543
	77.451.211.570	74.668.058.538

24. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Trong năm			Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Chênh lệch do đánh giá tỷ giá cuối kỳ	Giá trị
Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	76.690.197.818	385.425.374.284	402.674.834.663	63.048.704	59.503.786.143
+ Công ty mẹ (*)	35.230.267.654	111.252.801.040	117.472.003.523	63.048.704	29.074.113.875
+ Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn (**)	41.459.930.164	274.172.573.244	285.202.831.140	-	30.429.672.268
Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	4.204.000.000	3.355.000.000	4.204.000.000	-	3.355.000.000
+ Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn	464.000.000	240.000.000	464.000.000	-	240.000.000
+ Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn	3.740.000.000	3.115.000.000	3.740.000.000	-	3.115.000.000
	82.894.197.818	388.780.374.284	408.878.834.663	63.048.704	62.858.786.143

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vay ngắn hạn tại Tổng Công ty thể hiện các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định bao gồm:

- Hợp đồng số 161/NHNT-BĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và có thời hạn cho vay tối đa là 04 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ.
- Hợp đồng số 162/NHNT-BĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng, có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và có thời hạn cho vay tối đa là 06 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ.

Công ty mẹ đã sử dụng một phần khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số 6, 11, và 13).

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vay ngắn hạn tại Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn thể hiện khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn theo hợp đồng số 2156/2019/HĐCV ngày 26 tháng 6 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, nhằm mục đích thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động chế biến dăm gỗ, thời hạn duy trì hạn mức vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay và có thời hạn cho vay tối đa là 04 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ.

25. VAY DÀI HẠN

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	5.222.841.000	-	3.355.000.000	1.867.841.000
+ Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	240.000.000	-	240.000.000	-
+ Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn	4.982.841.000	-	3.115.000.000	1.867.841.000
	5.222.841.000	-	3.355.000.000	1.867.841.000

Tại ngày 03 tháng 01 năm 2018, Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn với hạn mức tín dụng là 1,4 tỷ đồng, nhằm tài trợ cho dự án hệ thống máy móc thiết bị phục vụ chế biến dăm gỗ. Thời hạn cho vay tối đa là 39 tháng với lãi suất cố định 2 năm đầu tiên là 8,6%/năm, và sau hai năm sẽ áp dụng lãi suất thả nổi. Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn đã sử dụng các tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay dài hạn (xem Thuyết minh số 13).

Tại ngày 08 tháng 8 năm 2016, Công ty Truyền hình Cáp Quy Nhơn ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn với số tiền 12.983.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả trong vòng 60 tháng. Trong hai năm đầu tiên, khoản vay chịu lãi suất cố định 8,5%/năm, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động VND 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng biên lãi suất 3%/năm. Công ty Truyền hình Cáp Quy Nhơn đã sử dụng mạng truyền hình cáp mặt đất để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).

Tại ngày 09 tháng 4 năm 2019, Công ty Truyền hình Cáp Quy Nhơn ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định với số tiền 5.000.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả trong vòng 48 tháng. Trong hai năm đầu tiên, khoản vay chịu lãi suất cố định 8,9%/năm, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động VND 24 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng biên lãi suất 3,5%/năm. Công ty Truyền hình Cáp Quy Nhơn đã sử dụng hệ thống cung cấp dịch vụ Internet và truyền hình cáp kỹ thuật số để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).



Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	3.355.000.000	4.204.000.000
Trong năm thứ hai	1.240.000.000	3.355.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	627.841.000	1.867.841.000
	<u>5.222.841.000</u>	<u>9.426.841.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn ở Thuyết minh số 24)	<u>(3.355.000.000)</u>	<u>(4.204.000.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.867.841.000</u>	<u>5.222.841.000</u>

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 275.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, vốn điều lệ của Tổng Công ty được góp đủ với chi tiết như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2019</u>	
	<u>Giá trị (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	266.270.000.000	96,83
Các cổ đông khác	8.730.000.000	3,17
	<u>275.000.000.000</u>	<u>100</u>

Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

Cổ phiếu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>27.500.000</u>	<u>27.500.000</u>

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	275.000.000.000	522.569.600	24.711.282.236	12.703.335.540	42.146.434.037	355.083.621.413
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(4.761.385.757)	-	-	(4.761.385.757)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	29.536.837.879	29.536.837.879
Công ty mẹ chia cổ tức	-	-	-	-	(22.825.000.000)	(22.825.000.000)
Giảm tại công ty liên kết	-	-	-	-	(1.019.546.503)	(1.019.546.503)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh - SCTV	-	-	-	-	(1.850.000.000)	(1.850.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	(2.611.943.355)	(2.611.943.355)
Chi khen thưởng	-	-	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
Điều chỉnh khác	-	(522.569.600)	-	-	522.569.600	-
Số dư cuối năm trước	275.000.000.000	-	19.949.896.479	12.703.335.540	43.659.351.658	351.312.583.677
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(4.049.218.868)	-	-	(4.049.218.868)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27.839.706.788	27.839.706.788
Công ty mẹ chia cổ tức	-	-	-	-	(27.500.000.000)	(27.500.000.000)
Giảm tại công ty liên kết	-	-	-	-	(4.519.581.635)	(4.519.581.635)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh - SCTV	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	(2.136.897.016)	(2.136.897.016)
Chi khen thưởng	-	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Số dư cuối năm nay	275.000.000.000	-	15.900.677.611	12.703.335.540	35.722.579.795	339.326.592.946

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 27.500.000.000 đồng; trích quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ 1,47% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019, tương ứng với số tiền 411.996.081 đồng và trích khen thưởng các cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2019 với số tiền là 120.000.000 đồng. Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ nêu trên.

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	CTCP PBC	Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn	CTCP PISICO Đắk Lắk
	VND	VND	VND
Vốn điều lệ của công ty con	15.000.000.000	24.500.000.000	1.730.000.000
<i>Trong đó:</i>			
Vốn góp của Công ty mẹ	10.625.000.000	12.495.000.000	1.365.600.000
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	4.375.000.000	12.005.000.000	364.400.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	29,17%	49,00%	21,06%
<i>Trong đó:</i>			
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	29,17%	49,00%	21,06%

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	CTCP PBC	Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn (*)	CTCP PISICO Đắk Lắk	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tổng tài sản	34.754.473.258	78.011.918.956	1.730.000.000	114.496.392.214
Tổng nợ phải trả	3.522.153.765	40.015.423.052	-	43.537.576.817
Tài sản thuần	31.232.319.493	37.996.495.904	1.730.000.000	70.958.815.397
<i>Trong đó:</i>				
Vốn điều lệ	15.000.000.000	24.500.000.000	1.730.000.000	41.230.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	3.888.162.149	-	3.888.162.149
Quỹ đầu tư phát triển	650.000.000	5.522.089.342	-	6.172.089.342
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.582.319.493	4.086.244.413	-	19.668.563.906
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	9.109.827.345	18.618.282.993	364.400.000	28.092.510.338
<i>Trong đó:</i>				
Vốn điều lệ	4.375.000.000	12.005.000.000	364.400.000	16.744.400.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.908.067.817	-	1.908.067.817
Quỹ đầu tư phát triển	189.583.333	2.705.823.778	-	2.895.407.111
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.545.244.012	1.999.391.398	-	6.544.635.410

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	CTCP PBC	Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn (*)	CTCP PISICO Đắk Lắk	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của công ty con	5.953.170.619	3.805.051.593	-	9.758.222.212
Điều chỉnh tại công ty liên kết gián tiếp - Công ty Dăm Gỗ Bình Định	-	(1.379.595.064)	-	(1.379.595.064)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.736.341.431	1.188.473.700	-	2.924.815.131

(*) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần tại Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát của Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát phát sinh từ Công ty Dăm Gỗ Bình Định, là công ty liên kết gián tiếp được hợp nhất vào báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thay đổi của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	9.030.000.000	2.036.984.202	-	2.263.627.225	5.586.259.146	18.916.870.573
Điều chỉnh tại công ty liên kết	-	2.622.163.763	1.951.125.907	1.332.189.598	-	5.905.479.268
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(25.933.643)	-	-	(25.933.643)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.048.563.507	-	5.048.563.507
Chia cổ tức	-	-	-	(2.819.950.000)	-	(2.819.950.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	(881.373.986)	-	(881.373.986)
Điều chỉnh tăng vốn góp	7.350.000.000	(1.763.740.854)	-	-	(5.586.259.146)	-
Số dư cuối năm trước	16.380.000.000	2.895.407.111	1.925.192.264	4.943.056.344	-	26.143.655.719
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(17.124.447)	-	-	(17.124.447)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.924.815.131	-	2.924.815.131
Trích quỹ trong năm	-	-	-	(1.323.236.065)	-	(1.323.236.065)
Góp vốn	364.400.000	-	-	-	-	364.400.000
Số dư cuối năm nay	16.744.400.000	2.895.407.111	1.908.067.817	6.544.635.410	-	28.092.510.338

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài:

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày ở Thuyết minh số 38.

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	203.293	135.984
Euro ("EUR")	263	313

Nợ khó đòi đã xử lý:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Bình Định	3.794.772.973	3.794.772.973
Công ty CP Chế biến Lâm sản Hưng Phú	1.828.896.666	1.828.896.666
Công nợ tại Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	1.016.882.600	1.016.882.600
	6.640.552.239	6.640.552.239

29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	514.877.126.070	660.875.048.776
Doanh thu cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	17.314.192.280	15.332.415.525
Doanh thu dịch vụ truyền hình cáp và internet	32.294.424.325	33.024.642.950
Doanh thu dịch vụ đào tạo và xuất khẩu lao động	4.530.000	-
	564.490.272.675	709.232.107.251

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	252.414.697.224	318.950.323.001
Chi phí nhân công	36.592.384.108	39.840.149.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.326.559.659	15.560.896.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.644.023.484	123.617.315.360
Chi phí khác bằng tiền	22.097.045.575	37.043.806.665
	433.074.710.050	535.012.490.646

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.831.700.000	4.451.250.000
Lãi tiền gửi, cho vay	5.470.258.710	6.067.526.376
Lãi chênh lệch tỷ giá	385.735.270	857.517.223
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	356.764.055	-
	8.044.458.035	11.376.293.599

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	3.551.336.857	5.931.295.228
Lỗ chênh lệch tỷ giá	438.021.023	453.423.443
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.401.091.293	-
	7.390.449.173	6.384.718.671

33. PHẦN LÃI TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT

Phần lãi/(lỗ) trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết:

	Năm nay VND	Năm trước VND
CTCP CNN Bình Định	(2.947.852.834)	(7.617.588.822)
CTCP Nội thất PISICO	7.473.617.407	5.456.404.792
CTCP PISICO Hà Thanh	2.283.936.816	3.655.085.331
Công ty Dầm gỗ Bình Định	16.785.807	1.738.158.831
CTCP PISICO Đồng An	-	1.612.334.438
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO	-	(935.086.507)
	6.826.487.196	3.909.308.063



34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	1.293.753.906	1.231.490.483
Chi phí vật liệu, bao bì	1.465.326.025	3.325.585.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.074.927.773	30.567.125.237
Chi phí khác	3.155.085.734	7.833.377.232
	30.989.093.438	42.957.578.336
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	9.521.799.983	8.769.876.427
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ	1.696.289.624	1.949.872.233
Chi phí khấu hao	2.474.336.812	2.528.221.217
Chi phí dự phòng	(506.872.111)	1.114.457.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.441.355.173	5.607.958.291
Chi phí khác	6.776.815.044	7.758.613.366
	25.403.724.525	27.728.998.756

35. THU NHẬP KHÁC/CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản cố định tại Cụm Công nghiệp Canh Vinh	5.940.586.182	-
Thu nhập từ đền bù thu hồi mặt bằng	4.712.858.000	-
Thu nhập từ xử lý công nợ phải trả	826.755.059	60.000
Các khoản khác	363.549.526	363.019.114
	11.843.748.767	363.079.114
Chi phí khác		
Giảm giá trị rùng kinh tế do thu hồi mặt bằng	1.015.465.920	-
Các khoản khác	1.533.541.420	987.171.331
	2.549.007.340	987.171.331

007
NHÀ
TY
LỢI
TN
Ổ HỒ

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	36.235.712.578	41.916.686.288
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng:</i>		
+ Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.666.845.923	2.491.597.695
+ Khoản lỗ tại các đơn vị thành viên không được bù trừ	836.930.964	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	-
<i>Trừ:</i>		
+ Cổ tức và lãi từ công ty liên doanh, liên kết	10.197.336.799	9.492.670.342
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	2.708.686.751	1.828.150.195
Thu nhập tính thuế	28.833.465.915	33.110.556.040
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.766.693.183	6.622.111.208
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP</i>	<i>782.219.836</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.984.473.347	6.622.111.208

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	486.717.312	709.173.694
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	486.717.312	709.173.694

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án đầu tư Cụm Công nghiệp Canh Vinh và Cụm Công nghiệp Cát Nhơn. Theo đó, Tổng Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập tính thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2022). Đối với các hoạt động kinh doanh còn lại, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ	27.839.706.788	29.536.837.879
Số trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	2.256.897.016
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.839.706.788	27.279.940.863
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	27.500.000	27.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.012	992

(*) Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính trên lợi nhuận sau thuế năm 2020 sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông năm 2021. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chưa ước tính số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi vì chưa có quyết định chính thức.

Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 căn cứ vào số tiền trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi đã được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

38. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	828.653.166	827.021.003
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.323.693.797	3.308.084.011
Sau năm năm	16.465.297.645	17.256.180.198
	20.617.644.608	21.391.285.212

Các khoản cam kết thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất văn phòng Tổng Công ty, xí nghiệp, thuê đất trồng rừng sản xuất, thuê đất gắn kết hạ tầng và phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 01 năm.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	Công ty mẹ
CTCP Nội thất PISICO	Công ty liên kết
Công ty Dăm gỗ Bình Định	Công ty liên kết
CTCP PISICO Hà Thanh	Công ty liên kết
CTCP PISICO Đồng An	Công ty liên kết
CTCP CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	Công ty cùng chủ sở hữu

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	5.244.080.916	557.617.500
CTCP Nội thất PISICO	2.346.309.854	4.268.594.602
Công ty Dăm gỗ Bình Định	61.271.438.360	94.522.894.030
CTCP PISICO Hà Thanh	58.815.107.601	6.224.378.900
	127.676.936.731	105.573.485.032
Mua hàng		
CTCP PISICO Hà Thanh	102.033.030.082	137.943.345.817
CTCP PISICO Đồng An	4.844.290.600	-
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	565.153.585	-
	107.442.474.267	137.943.345.817

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền cho thuê cơ sở hạ tầng, cho thuê văn phòng		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	99.151.824	92.944.261
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	115.237.524	92.944.261
	214.389.348	185.888.522
Cho thuê cơ sở hạ tầng và dịch vụ đi kèm		
CTCP PISICO Hà Thanh	802.145.905	795.138.025
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	-	713.187.279
	802.145.905	1.508.325.304
Lợi nhuận, cổ tức được chia		
Công ty Dăm gỗ Bình Định	1.396.380.870	2.125.914.834
CTCP Nội thất PISICO	3.151.050.000	2.100.700.000
CTCP PISICO Hà Thanh	2.029.032.000	2.226.000.000
CTCP PISICO Đồng An	4.624.301.318	1.816.742.400
	11.200.764.188	8.269.357.234
Chia cổ tức		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	26.627.000.000	22.100.410.000
Cho vay		
CTCP CNN Bình Định	5.545.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	25.410.000.000	14.220.780.000
	30.955.000.000	16.220.780.000
Thu hồi nợ vay		
CTCP CNN Bình Định	4.000.000.000	10.190.780.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	6.000.000.000	-
	10.000.000.000	10.190.780.000
Lãi cho vay		
CTCP CNN Bình Định	489.913.996	669.747.800
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	2.059.626.593	87.303.392
	2.549.540.589	757.051.192
Góp vốn		
CTCP PISICO Hà Thanh	2.248.480.000	-
Lãi ứng trước tiền hàng		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	1.068.510.957	1.105.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	795.760.273	2.795.000.000
	1.864.271.230	3.900.000.000
Thu lại tiền ứng trước tiền mua hàng		
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	43.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	2.700.000.000	-
	45.700.000.000	-



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	6.662.872.502	1.507.579.550
CTCP PISICO Hà Thanh	4.204.720.346	1.160.399.230
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	870.370.254	1.622.349.589
	11.737.963.102	4.290.328.369
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	14.300.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	-	43.000.000.000
	14.300.000.000	60.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	3.590.760.273	2.795.000.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	2.173.510.957	1.105.000.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	2.146.929.985	87.303.392
CTCP CNN Bình Định	1.159.661.796	669.747.800
CTCP Nội thất PISICO	3.151.050.000	2.100.700.000
CTCP PISICO Hà Thanh	2.029.032.000	2.226.000.000
CTCP PISICO Đồng An	165.013.518	990.950.400
	14.415.958.529	9.974.701.592
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	33.630.780.000	14.220.780.000
CTCP CNN Bình Định	5.734.220.000	4.189.220.000
	39.365.000.000	18.410.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương		
Chủ tịch Hội đồng Quản trị	488.400.000	444.000.000
Tổng Giám đốc	462.000.000	420.000.000
Phó Tổng Giám đốc	346.500.000	315.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	311.520.000	283.200.000
Kế toán trưởng	346.500.000	315.000.000
	1.954.920.000	1.777.200.000
Thù lao		
Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị	60.000.000	60.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị	60.000.000	60.000.000
Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
	180.000.000	180.000.000
	2.134.920.000	1.957.200.000

40. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- 1 – Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp: trồng và khai thác rừng; Chế biến lâm sản; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về gỗ.
- 2 – Hạ tầng cụm công nghiệp: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- 3 – Truyền hình cáp: quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp.
- 4 – Hoạt động khác.

112
ÁNH
TN
TT
JAN
SCY

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Việc ra các quyết định quản lý của Tổng Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tổng Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Tổng Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Tổng Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp		Hạ tầng Cụm Công nghiệp		Truyền hình cáp		Phần theo dõi và quản lý chung		Cộng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT										
Tài sản bộ phận	146.836.163.687	192.382.904.664	115.569.870.668	115.319.694.169	23.128.301.974	24.895.902.374	-	-	285.534.336.329	332.598.501.207
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	271.610.117.616	268.382.285.051	271.610.117.616	268.382.285.051
Tổng Tài sản	146.836.163.687	192.382.904.664	115.569.870.668	115.319.694.169	23.128.301.974	24.895.902.374	271.610.117.616	268.382.285.051	557.144.453.945	600.980.786.258
Nợ phải trả bộ phận	32.749.013.000	38.947.663.976	82.560.065.364	79.755.553.889	9.578.011.307	6.727.997.464	-	-	124.887.089.671	125.431.215.329
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	64.838.260.990	98.093.331.533	64.838.260.990	98.093.331.533
Tổng Nợ phải trả	32.749.013.000	38.947.663.976	82.560.065.364	79.755.553.889	9.578.011.307	6.727.997.464	64.838.260.990	98.093.331.533	189.725.350.661	223.524.546.862

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp		Hạ tầng Cụm Công nghiệp		Truyền hình cáp		Phần theo dõi và quản lý chung		Cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT										
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	514.881.656.070	660.875.048.776	17.314.192.280	15.332.415.525	32.294.424.325	33.024.642.950	-	-	564.490.272.675	709.232.107.251
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	385.735.270	4.766.825.286	-	-	-	-	14.485.209.961	10.518.776.376	14.870.945.231	15.285.601.662
Thu nhập khác	5.836.542.546	-	6.007.206.221	-	-	-	-	363.079.114	11.843.748.767	363.079.114
Tổng doanh thu và thu nhập khác	521.103.933.886	665.641.874.062	23.321.398.501	15.332.415.525	32.294.424.325	33.024.642.950	14.485.209.961	10.881.855.490	591.204.966.673	724.880.788.027
Giá vốn hàng bán	463.465.475.262	579.028.752.020	6.259.927.239	6.869.846.204	18.911.577.118	19.007.036.421	-	-	488.636.979.619	604.905.634.645
Chi phí bán hàng	29.013.060.810	41.443.650.503	-	-	1.976.032.628	1.513.927.833	-	-	30.989.093.438	42.957.578.336
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.016.750.806	18.087.089.286	3.358.446.223	3.749.608.831	5.028.527.496	5.417.934.129	-	474.366.510	25.403.724.525	27.728.998.756
Chi phí tài chính	438.021.023	453.423.443	-	-	-	-	6.952.428.150	5.931.295.228	7.390.449.173	6.384.718.671
Chi phí khác	2.488.137.619	-	60.000.000	-	869.721	-	-	987.171.331	2.549.007.340	987.171.331
Tổng chi phí	512.421.445.520	639.012.915.252	9.678.373.462	10.619.455.035	25.917.006.963	25.938.898.383	6.952.428.150	7.392.833.069	554.969.254.095	682.964.101.739
Lợi nhuận trước thuế	8.682.488.366	26.628.958.810	13.643.025.039	4.712.960.490	6.377.417.362	7.085.744.567	7.532.781.811	3.489.022.421	36.235.712.578	41.916.686.288
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	7.034.305.124	7.292.168.446	3.408.000.204	3.411.193.388	4.884.254.331	4.857.534.280	-	-	15.326.559.659	15.560.896.114
Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2.018.689.057	3.228.278.364	-	130.660.000	1.148.714.350	6.735.938.182	-	-	3.167.403.407	10.094.876.546



41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 17.379.497.621 đồng (2019: 12.388.574.578 đồng), là số tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận còn phải thu. Vì vậy, một số tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.



Nguyễn Đức Phước
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đồng Thị Ánh
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 4 năm 2021

Số: 79 /TCT-TCKT

Bình Định, ngày 31 tháng 03 năm 2021

V/v công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán độc lập và giải trình các nội dung liên quan.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tổ chức công bố thông tin

Tên Công ty: Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP

Mã chứng khoán: PIS

Địa chỉ: số 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng Thành phố Quy Nhơn – Bình Định

Điện thoại: (0256) 3947099 Fax: (0256) 3947029

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đồng Thị Ánh - Tổng giám đốc

2. Nội dung công bố thông tin:

2.1 Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP (PISICO) đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, cụ thể:

- Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ năm 2020

2.2. Các nội dung giải trình:

Giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ năm 2020 đã được kiểm toán so với năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (Đã kiểm toán)	Năm 2019 (Đã kiểm toán)	Chênh lệch
1	Doanh thu thuần	220.795.718.942	408.617.184.267	-45,97%
2	Doanh thu tài chính	19.447.029.751	23.004.560.693	-15,46%
3	Lợi nhuận sau thuế	23.588.997.477	27.999.793.724	-15,75%

Nguyên nhân: Trong năm 2020 do ảnh hưởng dịch Covid 19 tại nhiều quốc gia trên thế giới đã làm gián đoạn đối với chuỗi thương mại toàn cầu và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động xuất khẩu của TCTy, đặc biệt là ngành nghề chế biến đồ gỗ xuất khẩu, từ đó làm doanh thu thuần giảm 45,97% so với năm 2019 nên lợi nhuận sau thuế giảm 15,75%.

Địa chỉ Website đăng tải: Thông tin này đã được công bố trên Website của PISICO vào ngày 31/03/2021 tại đường dẫn: www.pisico.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PISICO;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các phòng nghiệp vụ
- Lưu: VT.



Đồng Thị Ánh



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Đình An	Chủ tịch
Bà Đồng Thị Ánh	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Quân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng ban
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Bảo Toàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đồng Thị Ánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *A*



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 4 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tư

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0488-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Ung Hồng Diễm An

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4132-2017-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158.150.426.735	154.663.839.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.211.195.131	19.105.219.271
1. Tiền	111	4	17.211.195.131	19.105.219.271
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.109.445.001	109.252.951.734
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	26.099.359.428	14.174.355.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	16.652.735.860	60.616.251.180
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	39.365.000.000	18.410.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.411.069.918	17.909.740.369
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.418.720.205)	(1.857.395.146)
III. Hàng tồn kho	140		39.761.444.678	25.966.379.697
1. Hàng tồn kho	141	10	39.761.444.678	25.966.379.697
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.068.341.925	339.288.549
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		469.853.687	339.288.549
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.598.488.238	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		283.338.505.828	300.171.793.896
I. Tài sản cố định	220		60.173.596.051	63.787.257.591
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	48.963.094.979	52.254.616.231
- Nguyên giá	222		101.960.819.840	101.610.919.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.997.724.861)	(49.356.303.609)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	11.210.501.072	11.532.641.360
- Nguyên giá	228		13.661.264.000	13.661.264.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.450.762.928)	(2.128.622.640)
II. Bất động sản đầu tư	230	13	37.584.671.210	40.362.774.729
- Nguyên giá	231		47.581.767.270	50.049.350.032
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.997.096.060)	(9.686.575.303)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.796.972.688	6.389.748.881
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		5.223.006.318	5.758.621.872
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		573.966.370	631.127.009
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		172.730.817.077	181.672.290.346
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	39.561.955.290	38.196.355.290
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	127.476.363.712	138.040.333.312
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(1.759.121.921)	(2.016.018.252)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.052.448.802	7.959.722.349
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	5.970.386.893	6.298.709.430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	1.082.061.909	1.661.012.919
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		441.488.932.563	454.835.633.147

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		131.492.395.322	140.396.097.302
I. Nợ ngắn hạn	310		55.474.990.909	68.068.803.981
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	11.246.443.488	4.809.829.134
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.387.140.681	6.585.631.468
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	605.219.820	2.190.113.213
4. Phải trả người lao động	314		3.423.858.935	3.606.172.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		792.929.636	757.232.452
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	3.007.250.971	2.865.247.433
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.379.302.104	4.708.155.331
8. Vay ngắn hạn	320	23	29.074.113.875	41.230.267.654
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		558.731.399	1.316.155.286
II. Nợ dài hạn	330		76.017.404.413	72.327.293.321
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	76.017.404.413	72.327.293.321
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		309.996.537.241	314.439.535.845
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	309.996.537.241	314.439.535.845
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.397.496.193	11.397.496.193
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.599.041.048	28.042.039.652
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.043.571	42.245.928
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		23.588.997.477	27.999.793.724
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		441.488.932.563	454.835.633.147

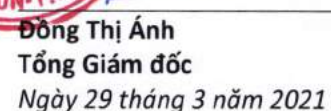


Nguyễn Ngọc Minh
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng




Đồng Thị Ánh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		Năm nay	Năm trước
	Mã số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		220.795.718.942	408.617.184.267
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	26	220.795.718.942	408.617.184.267
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	27	199.995.293.003	369.865.351.146
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		20.800.425.939	38.751.833.121
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	19.447.029.751	23.004.560.693
6. Chi phí tài chính	22	30	6.676.520.631	4.591.235.644
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.655.083.246	3.063.241.138
7. Chi phí bán hàng	25	31	4.451.002.964	11.943.634.064
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	13.220.520.204	14.014.822.146
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		15.899.411.891	31.206.701.960
10. Thu nhập khác	31	32	11.715.907.567	183.991.295
11. Chi phí khác	32	32	1.016.698.145	528.588
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		10.699.209.422	183.462.707
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		26.598.621.313	31.390.164.667
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	2.430.672.826	2.681.197.249
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	578.951.010	709.173.694
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		23.588.997.477	27.999.793.724



Nguyễn Ngọc Minh
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.598.621.313	31.390.164.667
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.810.293.880	5.990.517.869
Các khoản dự phòng	03	1.304.428.728	1.196.565.238
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	64.370.923	29.089.277
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(21.324.301.972)	(22.202.092.041)
Chi phí lãi vay	06	1.655.083.246	3.063.241.138
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.108.496.118	19.467.486.148
Thay đổi các khoản phải thu	09	30.563.317.546	38.270.136.286
Thay đổi hàng tồn kho	10	(13.023.259.609)	12.379.119.138
Thay đổi các khoản phải trả	11	5.571.808.055	4.192.266.089
Thay đổi chi phí trả trước	12	197.757.399	(567.505.460)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.691.022.326)	(3.085.186.662)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.958.957.204)	(635.608.887)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.930.000	2.090.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.301.349.968)	(2.200.457.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.478.720.011	67.822.339.317
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(3.433.879.818)	(1.669.188.855)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	8.208.708.909	312.727.272
3. Tiền chi cho vay	23	(30.955.000.000)	(16.220.780.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	10.000.000.000	10.190.780.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.614.080.000)	(5.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	9.005.280.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.133.187.544	9.766.251.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.344.216.635	(2.620.210.487)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	111.252.801.040	138.576.308.674
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(123.472.003.523)	(180.826.302.915)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(27.494.366.500)	(22.825.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(39.713.568.983)	(65.074.994.241)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.890.632.337)	127.134.589
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	19.105.219.271	18.977.912.409
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.391.803)	172.273
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	17.211.195.131	19.105.219.271

Nguyễn Ngọc Minh
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng

Đồng Thị Ánh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định, là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân ("UBND") tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Ngày 17 tháng 10 năm 2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định thành Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần ("CTCP") kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Tổng Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM theo Quyết định số 851/QĐ-SGDHN ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIS. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIS là ngày 12 tháng 01 năm 2016 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Thông báo số 1501/TB-SGDHN ngày 31 tháng 12 năm 2015).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 294 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 358 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm trồng và khai thác rừng; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu cho ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Kinh doanh dịch vụ cảng biển; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ ăn uống; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản; Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện quan trọng trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2020, sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra (“Covid-19”) đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đồng thời theo dõi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có các chi nhánh trực thuộc, công ty con và công ty liên kết như sau:

(i) Danh sách các chi nhánh trực thuộc:

- Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-001 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của Chi nhánh này là sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-003 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của Chi nhánh này là trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Xí nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng PISICO – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-018 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của Chi nhánh này là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

(ii) Danh sách các công ty con:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
CTCP Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	70,83%	70,83%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, cho thuê cơ sở hạ tầng.
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	100,00%	100,00%	Quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành truyền hình; Hoạt động kinh doanh các chương trình quảng cáo, dịch vụ truyền thông, tổ chức sự kiện cho các doanh nghiệp.
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Qui Nhơn	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	51,00%	51,00%	Thu mua, chế biến và sản xuất dăm gỗ xuất khẩu.

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV HR Pisico	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	100,00%	100,00%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời.
CTCP Pisico Đắk Lắk	M'Đrắk, Đắk Lắk, Việt Nam	75,87%	75,87%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.

(iii) Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (*)	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	50,00%	50,00%	Trồng và khai thác cây cao su.
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	40,01%	40,01%	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
CTCP PISICO Hà Thanh	Vân Canh, Bình Định, Việt Nam	44,97%	44,97%	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa.

(*) CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định có công ty con là Công ty TNHH Lào Bidina với tỷ lệ sở hữu là 100%. Công ty TNHH Lào Bidina được thành lập tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy phép đầu tư nước ngoài số 131-06/UB-KHĐT ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp, và giấy phép điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty là trồng và khai thác cây cao su.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty và các chi nhánh trực thuộc. Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết vào báo cáo tài chính riêng này. Tổng Công ty cũng đã lập một bộ báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư tài chính dài hạn theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị - Khác	3 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 15
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10



Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao theo quy định hiện hành. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 4 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện các khoản chi phí đã phát sinh liên quan đến hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ đối với rừng kinh tế do Tổng Công ty tự trồng và dự kiến sẽ thu hoạch trong thời gian hơn 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản dài hạn khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu liên quan đến tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng, giá vốn công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện phần doanh thu nhận trước của nhiều năm tài chính liên quan đến hoạt động cho thuê văn phòng và cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp. Doanh thu nhận trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian cho thuê.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	747.570.243	163.039.105
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.463.624.888	18.942.180.166
	17.211.195.131	19.105.219.271

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	10.913.860.266	3.909.304.080
b. Các bên thứ ba	15.185.499.162	10.265.051.251
OBI Group Sourcing Hong Kong Limited	3.842.217.269	-
AGRAVIS Raiffeisen AG	2.143.139.544	-
Euromate GmbH	2.177.707.247	-
Asindo Limited	-	2.818.192.859
Các khách hàng khác	7.022.435.102	7.446.858.392
	26.099.359.428	14.174.355.331

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một phần khoản phải thu đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 23.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	14.300.000.000	60.000.000.000
b. Các bên thứ ba	2.352.735.860	616.251.180
CTCP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Phương Việt	1.697.790.000	-
Các nhà cung cấp khác	654.945.860	616.251.180
	16.652.735.860	60.616.251.180

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy (*)	33.630.780.000	14.220.780.000
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (**)	5.734.220.000	4.189.220.000
	39.365.000.000	18.410.000.000

(*) Thể hiện khoản cho vay ngắn hạn tín chấp đối với Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy, cổ đông lớn, với lãi suất cho vay là 6,5%/năm.

(**) Thể hiện khoản cho vay ngắn hạn tín chấp đối với CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định, với lãi suất cho vay là 6,5%/năm nhằm mục đích hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	15.915.358.529	14.759.751.592
b. Các bên thứ ba	4.495.711.389	3.149.988.777
CTCP Chế biến Tinh bột sản Xuất khẩu Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
CTCP Lâm sản PISICO Quảng Nam	1.820.000.000	2.047.500.000
Khác	1.642.507.817	69.285.205
	20.411.069.918	17.909.740.369

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Trên 3 năm	1.851.570.877	(1.851.570.877)	541.765.308	(541.765.308)
Từ 2-3 năm	632.633.483	(442.843.438)	900.962.269	(630.673.590)
Từ 1-2 năm	1.519.223.780	(759.611.892)	1.030.989.435	(515.494.717)
Từ 6 tháng - 1 năm	1.215.646.659	(364.693.998)	564.871.771	(169.461.531)
	5.219.074.799	(3.418.720.205)	3.038.588.783	(1.857.395.146)

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	139.228.076	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.941.590.356	-	13.792.612.856	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	33.154.821	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	18.805.643.190	-	11.007.345.684	-
Thành phẩm	3.555.506.703	-	348.428.738	-
Hàng hoá	3.458.704.429	-	645.609.522	-
	39.761.444.678	-	25.966.379.697	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một phần hàng tồn kho đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng với giá trị được định giá là 19.751.000.000 đồng như trình bày tại Thuyết minh 23.

(*) Trong chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm chi phí thẩm định hồ sơ và khảo sát địa chất với giá trị là 236.189.818 đồng cho giai đoạn đầu của dự án “Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Pisico” theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 39/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 8 năm 2020 với tổng mức đầu tư 284.339.000.000 đồng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	64.891.444.741	24.073.244.935	810.556.469	10.947.714.354	887.959.341	101.610.919.840
Tăng trong năm	-	170.000.000	-	1.329.900.000	-	1.499.900.000
Thanh lý	-	(450.000.000)	-	(700.000.000)	-	(1.150.000.000)
Số dư cuối năm	64.891.444.741	23.793.244.935	810.556.469	11.577.614.354	887.959.341	101.960.819.840
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	25.496.851.572	16.034.581.460	757.733.290	6.290.931.238	776.206.049	49.356.303.609
Khấu hao trong năm	2.837.983.725	1.111.749.387	15.908.677	771.850.259	53.929.204	4.791.421.252
Thanh lý	-	(450.000.000)	-	(700.000.000)	-	(1.150.000.000)
Số dư cuối năm	28.334.835.297	16.696.330.847	773.641.967	6.362.781.497	830.135.253	52.997.724.861
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	<u>39.394.593.169</u>	<u>8.038.663.475</u>	<u>52.823.179</u>	<u>4.656.783.116</u>	<u>111.753.292</u>	<u>52.254.616.231</u>
Tại ngày cuối năm	<u>36.556.609.444</u>	<u>7.096.914.088</u>	<u>36.914.502</u>	<u>5.214.832.857</u>	<u>57.824.088</u>	<u>48.963.094.979</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 16.234.698.176 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 15.318.612.280 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 Tổng Công ty đã thế chấp nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 12.301.905.579 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 14.432.289.339 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.088.122.640	40.500.000	2.128.622.640
Khấu hao trong năm	308.640.288	13.500.000	322.140.288
Số dư cuối năm	2.396.762.928	54.000.000	2.450.762.928
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>11.519.141.360</u>	<u>13.500.000</u>	<u>11.532.641.360</u>
Tại ngày cuối năm	<u>11.210.501.072</u>	<u>-</u>	<u>11.210.501.072</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 54.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 đồng).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn và Canh Vinh VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	50.049.350.032
Giảm tài sản (*)	(2.467.582.762)
Số dư cuối năm	<u>47.581.767.270</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	9.686.575.303
Trích khấu hao trong năm	696.732.340
Giảm tài sản (*)	(386.211.583)
Số dư cuối năm	<u>9.997.096.060</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>40.362.774.729</u>
Tại ngày cuối năm	<u>37.584.671.210</u>

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này vì Tổng Công ty có ý định nắm giữ các bất động sản đầu tư này lâu dài và cũng như không xác định được các bất động sản đầu tư cùng loại để xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Quyết định số 3188/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Định ngày 05 tháng 8 năm 2020 với nội dung phê duyệt hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (đợt 2), UBND tỉnh Bình Định quyết định thu hồi và đền bù một phần dự án Cụm công nghiệp Canh Vinh của Tổng Công ty. Do đó, Tổng Công ty điều chỉnh giảm tương ứng giá trị nguyên giá và khấu hao lũy kế của phần bị thu hồi.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
CTCP Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	13.625.000.000	13.625.000.000
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	5.469.524.664	5.469.524.664
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	14.101.830.626	14.101.830.626
Công ty TNHH MTV HR PISICO	5.000.000.000	5.000.000.000
CTCP PISICO Đắc Lắc	1.365.600.000	-
	39.561.955.290	38.196.355.290

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	110.011.633.155	110.011.633.155
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	7.796.250.557	7.796.250.557
CTCP PISICO Hà Thanh	9.668.480.000	7.420.000.000
CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An (*)	-	5.812.449.600
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO (**)	-	7.000.000.000
	127.476.363.712	138.040.333.312

(*) Trong năm, CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An đã thực hiện giải thể theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04-2020/NQ-HĐQT của CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An ngày 07 tháng 12 năm 2020.

(**) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ giá trị phần góp vốn tại Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 46/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2019.

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
CTCP Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	35.000.000	35.000.000
CTCP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	3.639.669.130	3.639.669.130
CTCP Lâm sản PISICO Quảng Nam	3.776.950.866	3.776.950.866
	7.451.619.996	7.451.619.996

17. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
CTCP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	883.905.973	883.905.973
Công ty TNHH MTV HR PISICO	875.215.948	-
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO	-	1.132.112.279
	1.759.121.921	2.016.018.252

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuê kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phú Tài	4.810.090.953	4.981.879.917
Khác	1.160.295.940	1.316.829.513
	5.970.386.893	6.298.709.430

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.595.743.417	4.957.366.860
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.513.681.508)	(3.296.353.941)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.082.061.909	1.661.012.919

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.513.681.508	3.296.353.941
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(3.513.681.508)	(3.296.353.941)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
ScanCom Ltd.	2.620.420.054	2.620.420.054	-	-
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	1.205.864.820	1.205.864.820	497.992.645	497.992.645
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Trang	1.096.883.357	1.096.883.357	247.907.253	247.907.253
DNTN Dệt may Thương mại Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Khác	5.323.275.257	5.323.275.257	3.063.929.236	3.063.929.236
	11.246.443.488	11.246.443.488	4.809.829.134	4.809.829.134

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	60.264.657	1.637.088.914	1.697.353.571	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5.663.561	387.383.847	393.047.408	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.124.720.537	2.124.720.537	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.084.639.165	2.430.672.826	3.958.957.204	556.354.787
Thuế thu nhập cá nhân	39.545.830	538.319.512	529.000.309	48.865.033
Các loại thuế khác	-	523.288.469	523.288.469	-
	2.190.113.213	7.641.474.105	9.226.367.498	605.219.820

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Cho thuê văn phòng làm việc	249.255.000	279.375.000
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	2.757.995.971	2.585.872.433
	3.007.250.971	2.865.247.433
b. Dài hạn		
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	76.017.404.413	72.327.293.321
	76.017.404.413	72.327.293.321

23. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Trong năm VND		Số cuối năm VND	
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (*)	35.230.267.654	111.252.801.040	(117.472.003.523)	63.048.704	29.074.113.875
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	-
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	-	-
	41.230.267.654	111.252.801.040	(123.472.003.523)	63.048.704	29.074.113.875

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vay ngắn hạn thể hiện hai khoản vay của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định bao gồm:

- Hợp đồng số 161/NHNT-BĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và có thời hạn cho vay tối đa là 04 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản vay này chịu lãi suất 5,5%/năm.
- Hợp đồng số 162/NHNT-BĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng, có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và có thời hạn cho vay tối đa là 06 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản vay này được giải ngân bằng Đô la Mỹ và chịu lãi suất 3,2%/năm.

Tổng Công ty đã sử dụng một phần khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số 5, 10, và 11).

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	275.000.000.000	11.397.496.193	24.287.768.075	310.685.264.268
Lợi nhuận trong năm	-	-	27.999.793.724	27.999.793.724
Chia cổ tức	-	-	(22.825.000.000)	(22.825.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	(1.180.522.147)	(1.180.522.147)
Trích khen thưởng	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
Số dư cuối năm trước	275.000.000.000	11.397.496.193	28.042.039.652	314.439.535.845
Lợi nhuận trong năm	-	-	23.588.997.477	23.588.997.477
Chia cổ tức	-	-	(27.500.000.000)	(27.500.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	(411.996.081)	(411.996.081)
Trích khen thưởng	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Số dư cuối năm trước	275.000.000.000	11.397.496.193	23.599.041.048	309.996.537.241

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 27.500.000.000 đồng; trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 1,47% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019, tương ứng với số tiền là 411.996.081 đồng và trích khen thưởng các cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2019 với số tiền là 120.000.000 đồng. Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ nêu trên.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 275.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, vốn điều lệ của Tổng Công ty được góp đủ với chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2019	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	266.270.000.000	96,83
Các cổ đông khác	8.730.000.000	3,17
	275.000.000.000	100

Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
+ Cổ phần phổ thông	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phần hiện đang lưu hành		
+ Cổ phần phổ thông	27.500.000	27.500.000

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.



25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày ở Thuyết minh số 34.

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ ("USD")	202.469	135.147
Euro ("EUR")	263	313

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	142.798.615.503	319.133.105.113
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.254.677.554	85.765.880.842
Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	5.742.425.885	3.718.198.312
	<u>220.795.718.942</u>	<u>408.617.184.267</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa	135.383.488.452	295.776.980.972
Giá vốn cung cấp dịch vụ	61.214.773.285	71.501.650.246
Giá vốn cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	3.397.031.266	2.586.719.928
	<u>199.995.293.003</u>	<u>369.865.351.146</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.820.081.991	23.963.803.036
Chi phí nhân công	25.565.302.758	29.689.092.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.810.293.880	5.990.517.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.472.634.482	60.968.220.670
Chi phí khác bằng tiền	15.918.138.457	25.917.364.078
	<u>122.586.451.568</u>	<u>146.528.997.925</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	4.425.822.163	4.666.604.288
Cổ tức và lợi nhuận được chia	14.635.472.318	17.480.442.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	385.735.270	857.514.005
	<u>19.447.029.751</u>	<u>23.004.560.693</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.655.083.246	3.063.241.138
Lỗi chênh lệch tỷ giá	437.960.544	395.882.227
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	1.908.419.520	1.132.112.279
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư	2.675.057.321	-
	6.676.520.631	4.591.235.644

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	1.404.054.585	3.230.679.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.030.016	1.758.509.384
Chi phí khác	2.236.918.363	6.954.445.466
	4.451.002.964	11.943.634.064
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	3.974.293.983	4.064.063.497
Chi phí nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	876.083.750	888.936.671
Chi phí khấu hao	2.348.611.708	2.399.302.929
Chi phí dự phòng	528.121.487	64.452.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.018.010.225	3.340.831.023
Chi phí khác	2.475.399.051	3.257.235.067
	13.220.520.204	14.014.822.146

32. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản cố định tại Cụm Công nghiệp Canh Vinh	5.940.586.182	-
Thu nhập từ đền bù thu hồi mặt bằng	4.712.858.000	-
Thu nhập từ xử lý công nợ phải trả	826.755.059	-
Các khoản khác	235.708.326	183.991.295
	11.715.907.567	183.991.295
Chi phí khác		
Giảm giá trị rùng kinh tế do thu hồi mặt bằng	1.015.465.920	-
Các khoản khác	1.232.225	528.588
	1.016.698.145	528.588

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	26.598.621.313	31.390.164.667
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>2.898.901.885</i>	<i>1.324.414.174</i>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(14.635.472.318)</i>	<i>(17.480.442.400)</i>
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm khác</i>	<i>(2.708.686.751)</i>	<i>(1.828.150.195)</i>
Lợi nhuận tính thuế	12.153.364.129	13.405.986.246
Thu nhập tính thuế suất thông thường 20%	12.153.364.129	13.405.986.246
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	2.430.672.826	2.681.197.249
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	578.951.010	709.173.694
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	578.951.010	709.173.694

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án đầu tư Cụm Công nghiệp Canh Vinh và Cụm Công nghiệp Cát Nhơn. Theo đó, Tổng Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập tính thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2022). Đối với các hoạt động kinh doanh còn lại, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	828.653.166	827.021.003
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.323.693.797	3.308.084.011
Sau năm năm	16.465.297.645	17.256.180.198
	20.617.644.608	21.391.285.212

Các khoản cam kết thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê quyền sử dụng đất tại văn phòng Tổng Công ty, xí nghiệp, thuê đất trồng rừng sản xuất, thuê đất gắn kết hạ tầng và phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 01 năm.

35. **NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Công ty con
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV HR Pisico	Công ty con
CTCP Pisico Đắc Lắc	Công ty con
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	Công ty liên kết
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	Công ty liên kết
CTCP PISICO Hà Thanh	Công ty liên kết
CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Công ty cùng chủ sở hữu

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
CTCP PISICO Hà Thanh	6.081.355.900	6.224.378.900
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	5.244.080.916	557.617.500
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	2.346.309.854	4.268.594.602
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	-	5.425.208.400
	<u>13.671.746.670</u>	<u>16.475.799.402</u>
Mua hàng		
CTCP PISICO Hà Thanh	102.033.030.082	137.943.345.817
CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An	4.844.290.600	-
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	565.153.585	-
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	-	90.094.033.845
	<u>107.442.474.267</u>	<u>228.037.379.662</u>
Thu tiền cho thuê cơ sở hạ tầng, cho thuê văn phòng		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	99.151.824	92.944.261
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	115.237.524	92.944.261
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	480.000.000	480.000.000
Công ty TNHH MTV HR PISICO	111.031.684	-
	<u>805.421.032</u>	<u>665.888.522</u>
Cho thuê cơ sở hạ tầng và dịch vụ đi kèm		
CTCP PISICO Hà Thanh	802.145.905	795.138.025
Lợi nhuận, cổ tức được chia		
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	1.500.000.000	1.850.000.000
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	1.499.400.000	2.935.050.000
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	3.151.050.000	4.201.400.000
CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An	4.624.290.318	1.816.742.400
CTCP PISICO Hà Thanh	2.029.032.000	2.226.000.000
	<u>12.803.772.318</u>	<u>13.029.192.400</u>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH – CÔNG TY CỔ PHẦN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chia cổ tức		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	26.627.000.000	22.100.410.000
Cho vay		
CTCP Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định	5.545.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	25.410.000.000	14.220.780.000
	<u>30.955.000.000</u>	<u>16.220.780.000</u>
Tiền thu hồi cho vay		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	6.000.000.000	-
CTCP Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định	4.000.000.000	10.190.780.000
	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.190.780.000</u>
Lãi cho vay		
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	489.913.996	669.747.800
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	2.059.626.593	87.303.392
	<u>2.549.540.589</u>	<u>757.051.192</u>
Trả tiền vay ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	4.000.000.000	-
Góp vốn		
CTCP PISICO Hà Thanh	2.248.480.000	-
CTCP Pisico Đắc Lắc	1.365.600.000	-
Công ty TNHH MTV HR Pisico	-	5.000.000.000
	<u>3.614.080.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
Lãi ứng trước tiền hàng		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	1.068.510.957	1.105.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	795.760.273	2.795.000.000
	<u>1.864.271.230</u>	<u>3.900.000.000</u>
Thu lại tiền ứng trước tiền mua hàng		
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	43.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	2.700.000.000	-
	<u>45.700.000.000</u>	<u>-</u>
Hoàn trả các khoản phải trả khác		
Công ty TNHH MTV HR PISICO	2.710.000.000	-



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	6.662.872.502	1.507.579.550
CTCP PISICO Hà Thanh	4.204.720.346	1.160.399.230
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	-	1.185.836.500
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	46.267.418	55.488.800
	10.913.860.266	3.909.304.080
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	14.300.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	-	43.000.000.000
	14.300.000.000	60.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	5.734.220.000	4.189.220.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	33.630.780.000	14.220.780.000
	39.365.000.000	18.410.000.000
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	2.146.929.985	87.303.392
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	-	1.850.000.000
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	1.159.661.796	669.747.800
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	1.499.400.000	2.935.050.000
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	3.151.050.000	2.100.700.000
CTCP PISICO Hà Thanh	2.029.032.000	2.226.000.000
CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An	165.013.518	990.950.400
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	2.173.510.957	1.105.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	3.590.760.273	2.795.000.000
	15.915.358.529	14.759.751.592
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty TNHH MTV HR PISICO	-	2.710.000.000
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	-	16.924.932
	-	2.726.924.932
Vay ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	-	4.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương		
Chủ tịch Hội đồng quản trị	488.400.000	444.000.000
Tổng Giám đốc	462.000.000	420.000.000
Phó Tổng Giám đốc	346.500.000	315.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	311.520.000	283.200.000
Kế toán trưởng	346.500.000	315.000.000
	1.954.920.000	1.777.200.000
Thù lao		
Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	60.000.000	60.000.000
Thành viên Hội đồng quản trị	60.000.000	60.000.000
Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
	180.000.000	180.000.000
	2.134.920.000	1.957.200.000

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức trong năm không bao gồm số tiền 18.768.562.101 đồng (năm 2019: 17.840.455.164 đồng), là số lãi tiền gửi và cổ tức còn phải thu. Vì vậy, một số tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia.



Nguyễn Ngọc Minh
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

